

SỐ 1818

PHÁP HOA LUẬN SỞ

Hồ Cát Tạng soạn.

QUYỂN THƯỢNG

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH ƯU-BA-ĐỀ-XÁ

*Bồ-tát Bà-tẩu-bàn-đậu, Hán dịch Thiên Thân soạn
Tam Tạng Pháp Sư Bồ-đề-lưu-chi vãng chiếu dịch.*

Diệu pháp Liên Hoa kinh Ưu-ba-đề-xá do Bà-tẩu-bàn-đậu soạn, Bồ-đề-lưu-chi dịch. Bà-tẩu Hán dịch là Thiên, Bàn-đậu Hán dịch là Thân. Người này vốn là em trai của trời Đế-thích, Đế Thích lưu lại Diêm-phù-đề hàng Phục Tu-la, nên gọi là Thiên Thân. Bồ-đề Hán dịch là Đạo, Lưu-chi Hán Dịch là Hy, dịch chung là Đạo Hy. Có nhiều truyền thuyết khác nhau, không kể ra đây, các bản luận dịch cũng đã có rất lâu, bài lý do không được thịnh truyền ở thế gian có hai ý. Một là đơn ý chỉ văn kinh giản, trước sau dường như lộn xộn, truy tìm thì không biết đầu cuối. Hai là ngày trước đất Bắc sông Nam, thường dùng năm thời bốn tông để giải thích đạo này. Trái với dư luận, các bậc thầy giảng đạo giữ đều cố chấp cũ kỹ, trái Thánh tín phàm, nên không truyền ở thế gian. Ta giảng văn sơ kinh này có ba thứ: Một là dùng cựu tông của Quan Hà Duệ Lang; Hai là dựa vào Long Thụ, Đề-bà giải thích đại ý Kinh; Ba là sử dụng luận cương lĩnh này để dịch Pháp Hoa. Thế nhưng trước đây ba kinh sơ xuất ra vẫn chưa giải luận văn, nay đều giải thích được, giúp cho kinh luận sáng tỏ dễ lĩnh hội Thế nhưng luận này có hai bản: Một là Vô Tiền Tự Trực nói kinh chép: qui mệnh tất cả Chư Phật, Bồ-tát, đây là lời thỉnh cầu che chở của người biên tập kinh. Hai là Hữu

Quy Kính, thứ này là do Thiên Thân tự soạn ra. Nay đều dựa theo hai thứ văn này chia ra làm ba phần: Một là Quy Kính Ba ngôi báu trình bày luận ý, mong uy linh che chở làm phần duyên khởi; Hai là nhắc lại kinh giải thích làm phần chính thể; Ba là nhắc lại Chương Môn tìm hiểu rõ giới dưới làm phần thể còn Đầu tiên có hai: Một là Thiên Thân Quy Kính trình bày soạn luận ý; Hai là người biên tập kinh Quy Kính trình bày việc biên tập kinh ý. Theo phần đầu có hai: Hai bài kệ trước quy kính Tam Bảo trình bày soạn luận ý, một bài kệ rưới kế là quy kính Phật tăng, thỉnh Uy Linh che chở. Y theo phần đầu lại có hai: Một là chung với quy kính nhất thể Tam bảo thân soạn luận ý. Kế là quy kính riêng Thích-ca Phật tăng trình bày soạn luận ý. Y theo phần đầu lại có hai: kế nửa bài kệ kệ trước Quy Kính Nhất Thể Tam bảo, nửa bài kệ trình bày soạn luận ý, y theo phần đầu lại có hai: hai chữ đầu nói về lòng chí thành năng kính; tám chữ sau nói về sự cực kỳ tôn nghiêm của đỉnh lễ đỉnh lễ là câu thứ nhất.

Đỉnh lễ: lễ có ba thứ là dưới, trung, trên. Trước là nói về trên phẩm người được kính cực kỳ tôn nghiêm, lễ năng phải đặt ở địa vị tối trên ấy là sự cực kỳ tôn kính của sở thích thứ hai Chính Giác Hải Dưới.

Hỏi: Làm thế nào để biết đây là nhất thể Tam bảo?

Đáp: Đã được gọi là Tịnh pháp Vô Vi tăng, là biết nói Thường trú tăng, ở chỗ tăng đã như thế, pháp Phật cũng vậy.

Hỏi: Vì sao lại kính Nhất thể Tam bảo?

Đáp: Đã là kinh Nhất thừa rốt ráo thì phải rõ Tam bảo rốt ráo, lại lấy Tam bảo rốt ráo để hiểu biết rõ Nhất thừa. Nhất thừa là thứ kinh rất đạo của Giang nam Ngũ thời. Chính Giác Hải Tịnh Pháp Vô Vi Tăng nói Chính Giác Hải: Một là pháp thân Phật ở khắp mọi, nơi rộng như biển cả, nên kinh Phổ Hiền Quán chép: Ti-lô xá-na ở khắp mọi nơi; Hai là sâu như biển, nói rằng bảy lần làm mà không cần nói, năm mắt quên sự chiếu rọi. Nên nói là sau ba là một vị như biển, pháp thân bình đẳng, một thân vị như. Bốn là pháp thân đều có một công đức như biển cả có đầy đủ các vật báu, Pháp Tăng còn lại để biết là người có sâu sắc trí tuệ, thứ hai là trình bày ý soạn luận lại có dưới, câu đầu là nói giáo vì người.

Thế nào là sâu sắc người có trí tuệ? Nói người sâu sắc có trí tuệ, vừa nghe đã hiểu được điều lợi dưới, được đến, chí lý. Nên luận này không thịnh truyền, chung sanh đời Mạt pháp dần dần cạn kiệt đi nhiều. Nên biết được tri âm là ít có. Khai Thị Tỳ-già-điển là duyên đã làm nay đã thành đạo đầy đủ.

Khai Thị Tỳ-già-điển, duyên làm được lợi ích sâu sắc, lý luận đầy đủ sẽ mở rộng, lại có thể gợi ý, là mở rộng và giải thích.

Luận Tỳ-già-la: văn này trích dẫn từ Niết-bàn Bát-nhã để khen ngợi Pháp Hoa ngày nay, chỉ dạy kinh bán tự đối với con trẻ, người trưởng thành thì dạy mãn tự luận, Tỳ-già-la. Ngày xưa nói Ba thừa ngụ dụ đồng với bán tự nay nói nhất cực gọi là kinh mãn tự, cùng dùng lời nói này đả phá lại thuyết năm thời bốn tông. Dùng thứ đó gọi là kinh Độc Niết-bàn. Giáo lý tròn đầy Pháp Hoa, v.v... chính là bán giáo. Tỳ-già-la Hán dịch là tự bản. Luận Tỳ-già-la chưa thấy phiên dịch Hà Tây lãng Sư nói do Bồ-tát Đại Quyển soạn, chỉ cung kính Mâu Ni tôn dưới thứ hai kính riêng Thích-ca Phật tăng. Sở dĩ tu kính riêng Tam bảo có nhất thể biệt thể, nên phải kính chung, kính riêng. Lại giáo chủ Thích-ca hiện là muốn giải thích đạo mà mình nói thì phải kính trọng người giảng kính. Văn có hai: nửa trước là quy kính Phật tăng nữa, sau là trình bày soạn luận ý. Hai chương mỗi chương đều có hai chương đều có hai, là: hai chữ chỉ kiên ở đầu nói về sự chí thành năng kính, tám chữ sau khen ngợi sự cực tôn của sở lễ Chỉ-kiên: chỉ là nặng, kiên là kính trước là chung với lễ, nay lại riêng kính, nên gọi là nặng, cũng có thể trước nói đỉnh lễ dùng âm Trung quốc. Nên gọi là Chỉ kiên là dựa vào sự dạy dỗ của Thiên-trúc, còn chưa hiểu được những thứ về sau, xin đặc hỏi riêng người dịch.

Mâu-ni tôn và Bồ-tát Thanh Văn: lệnh pháp đem lợi cho mình cho người là nói trình soạn luận ý, cũng mở ra làm hai, câu đầu trình bày soạn luận ý.

Lệnh pháp tự lợi lợi tha: là nói về sự giải thích, pháp này mẫu tự có được lợi ích, là nói tự thành Phật, liền được truyền thụ cho người, khiến họ cũng thành Phật. Lược nêu luận Lặc-già, là thứ hai nói về soạn luận.

Lược nêu luận Lặc-già, sự giải thích vòng vo từ đầu đến cuối, nói rằng để mở rộng luận. Nay rút bỏ những điều cốt lõi chấn chỉnh đề cương như là rút bỏ sừng răng của loài tê voi, rút bỏ lông vũ của loài lông cánh. Luận Lặc-già là Ma-được-lặc-già, nói về giải thích luận A-tỳ-đàm. Đây trở thành cảnh giới, tìm được ý chỉ của luận này sẽ giải thích được tự lợi lợi tha là cảnh giới sinh giải, quy mệnh qua đời sau. Lần thứ hai nói về kính thỉnh hộ là mở làm hai, bán hành chí kính. Một bài kệ thỉnh hộ cả hai. Điều thứ hai là hai chữ quy mệnh, là nói sự chí thành của năng quy.

Quy mệnh - Kế là nói về sự cực tôn của sở kính.

Đời sau, hiện tại, Bồ-tát Hoằng Từ giảng thần lực nguyên thí ngã vô úy.

Hoằng Từ giảng thần lực giúp cho điều ta nói hợp lý xứng cơ, không có những lỗi lầm hợp lý xứng cơ, nửa bài kệ kệ là thỉnh đại bi che chở thoát khỏi bốn ma thêm lớn Tam-Bồ-đề.

Đại bi ngăn bốn ma che chở bồ-đề thêm lớn. Câu đầu xin lia bỏ những đều nên lia bỏ. Kệ là nói những điều nên được đều được. Kinh nói: quy mệnh tất cả Chư Phật Bồ-đề. Tập kinh thứ hai này là những lời thỉnh hộ, kinh chép: quy mệnh tất cả Chư Phật Bồ-đề. Tiên quy kính này trình bày ý soạn luận, thỉnh cầu uy linh che chở. Lời quy kính này là do người biên tập kinh muốn nêu ra kinh phật, cũng thỉnh uy linh che chở, Tất cả các kinh đều có lời này, thế nhưng tùy gửi vào câu văn ẩn lộ có khác nhau, nên kinh chép: Tôi nghe như vậy. Đây là chứng minh thứ hai thể luận. Thế nhưng luận lược khó rõ. Nay dẫn ra hai điều để nêu thể ví dụ: một là nói về sự khác nhau giống nhau giữa hai kinh, hai là nói về cách soạn luận này.

Giữa Hai kinh đồng khác: Là kinh do La-thập dịch và kinh đối luận do Lưu-chi nêu ra. Văn chương của chúng khác nhau, gồm có năm thứ:

Một là cựu kinh lược, luận Kinh rộng như cựu kinh khen ngợi đức của La-hán chỉ có năm câu. Luận kinh có mười sáu câu, hoặc có thể ở bản Pđưới, rộng lược không giống nhau, hoặc có thể nghe tiếng thường chúng không nơi nào không nhóm họp khen ngợi. Nên La-thập đã lược khen đức độ, muốn có ý làm cho dân chúng nhận thức được kinh là tụng đức, nên nói rộng.

Hai là cựu kinh rộng, luận kinh lược, như phẩm Phương Tiện. Tựa kinh có mười câu là như thế tướng, như thế tính v.v... Luận kinh chỉ có năm môn, là Thiên Thân dùng lược nhiếp rộng.

Ba là hai kinh đều không có rộng lược, như khen ngợi công đức Bồ-tát.

Bốn là phẩm thứ lớp trước sau. Cựu kinh chúc lụy ở trước Duyệt Vương, luận kinh lại ở sau Phổ Hiền. La-thập thì dựa vào ý nghĩa, duyên cơ này đặt ở trước. Thiên Thân đồng kinh thường pháp, nên ở sau.

Năm là danh nghĩa không giống nhau. Cựu kinh nói có sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ-tát. Luận kinh nói có sáu mươi hai ức Hằng hà sa Phật, La-thập dựa vào văn kinh mà dịch nên nói là Bồ-tát luận đã dùng ý nghĩa khen ngợi giải thích, phước ấy bằng nhau, là nói Sơ Địa Bồ-tát được pháp thân chân như nên liền thành Phật, vì Quán Âm không hai

với sáu mươi hai ức pháp thân nêu gọi là phúc bình đẳng, nên gọi là Phật. Kế là nói luận chế tác không giống nhau, ví dụ như Long Thụ giải Thích kinh, chẳng ngờ mở ra chương môn. Đối với việc sau này truy tìm ngược về trước Thiên Thân giải thích kinh này gồm có hai ý: một là dự định mở cho kỳ hết như ban đầu, chia ra làm bảy phần sơ phẩm; hai là tới sau cùng mới trình bày rõ, như là luận cuối cùng gọi là phẩm Phương Tiện gồm có năm luận. Nói chung là bậc Thánh vận dụng hợp tâm thời. Thiên Thân mở rộng kinh này gồm có ba mươi hai chương. Ba mươi hai chương này là bảy phần tự phẩm, năm ngôn phương tiện phẩm là mười hai. Theo phẩm ví dụ cuối cùng là phẩm Bảo Tháp, phá mười thứ bệnh lợi ích cho mười người là thập đoạn. Theo Dược Thảo Cách Nhất Kinh Minh Thập Vô thượng, lại có mười chương, nên hợp lại thành ba mươi hai.

Hỏi: Lúc đầu từ nhà lửa sau cùng đả phá được mười bệnh ở tháp báu, nói làm sao có thể từ Dược Thảo Cách Nhất Kinh Minh Thập Vô thượng? Đáp: Dựa theo kinh Pháp tạng chép: Bà-tẩu-bàn-đậu khéo giải tất cả Tu-đa-la nghĩa Tu-đa-la có năm nghĩa: Một là nói là nói lý đi cố các nghĩa, như phẩm tự bảy đoạn phương tiện năm môn là nói được mười hai thứ nghĩa; Hai là suốt vọt, nói rằng ý nghĩa của nó là vô tận, như nước suối tuôn trào. Như sự giải thích ví dụ cuối cùng là ở tháp báu liền từ cổ thuốc cuối cùng là ở Nhất kinh, giải thích ở hậu kinh mà truy giải ở trước để có ý nghĩa là vô tận là nghĩa nước suối tuôn tràn; Ba là sinh ra, là sinh ra các nghĩa như giải thích đệ thập năng lực công đức cao quý Vô thượng. Khen ngợi sinh ra nhiều công đức kinh vô tận, là nghĩa sinh ra: Bốn là dây mực, trừ bỏ mọi; lấp biết nói lên sự ngay thẳng. Phá mười bệnh gọi là bỏ tà, noi lên mười nghĩa gọi là bày chính; Năm là kết vòng xoắn sâu pháp các Phật. Đó là ba mươi hai chương cùng làm sáng tỏ một đạo, để dạy cho con người, như việc xoắn hoa tô điểm đầu người. Lại giải thích về sau truy tìm nguồn gốc giải thích lên trước. Trong bậc Thánh có trí tuệ vô ngại, bên ngoài có giải thích của vô phương, nên có khả năng tự tại giải thích. Lại từ trước giải thích về sau nói lên điều mục chuyển nhanh. Từ sau giải thích lên phía trước như sứt ném trở lại. Nếu dịch kinh còn có điều nghi ngờ thì hỏi lại, nên về sau càng được giải thích. Ngày nay nghĩa nhân thân hậu, chương sau có khoa mục riêng còn bậc Thánh ở nước ngoài soạn ra đại thể của luận thì giải thích sơ phẩm đầu thành hai thứ: một là điệp kinh, hai là luận dịch. Điệp kinh chỉ nhắc lại hai chương, là tự phân kinh và chúng phân kinh. Điệp tự phân kinh từ đầu đến kết thúc đều ở Quạt sơn, là Điệp

kinh tự phân.

Phẩm tựa thứ nhất Tôi nghe như vậy: một thuở nọ, Đức Phật ngụ tại thành Vương-xá trong núi Kỳ-xà-quật cùng với các vị Đại Tỳ-kheo v.v... trở xuống. Thứ hai điệp chúng thành tựu chia ra ta Thập Dịch kinh do có ba: một là Thanh Văn, hai là Bồ-tát, ba là chúng trời, người. Nay chỉ nhắc lại trước có hai, dùng hai chúng hữu khen ngợi đức nay muốn dịch ra. Nên nhắc lại chúng trời, người không khen đức, lại dịch giải nhiều kinh đã được giải thích nên không nhắc lại. Nhắc lại hai chúng là hai chúng nhắc lại Thanh Văn, cựu kinh có Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni. Nay trong phần nhắc lại Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo có hai: một là bày danh, hai mà mật hạnh. Nay chỉ nhắc lại hiển danh không nhắc lại mật hạnh, cũng là điều dễ giải thích nguyên nhân không khen ngợi đức. Trong Tỳ-kheo có sáu: một là nêu hiệu chung, hai là xưng số, ba là nói về vị, bốn là khen ngợi đức, năm là nêu danh, sáu là tổng kết. Nay chỉ nêu bốn thứ đầu, không nêu hai thứ cuối. Còn trong Luận thích không giải thích một hiệu chung đầu và thứ năm nêu danh.

Trong số chúng một muôn hai ngàn vị Đại Tỳ-kheo đều là A-la-hán, tất cả đều không còn phiền não, tâm được tự tại, khéo được giải thoát tâm, khéo được trí tuệ giải thoát được tâm, giỏi điều phục được con rồng lớn trong loài người, biết làm những điều nên làm, biết lánh xa những gánh nặng nô lệ, được lợi bởi kết những điều lành, được trí tuệ chính xác, tâm giải thoát được mọi điều, tâm được tự tại tới bờ bên kia. Trong Bồ-tát cũng có sáu môn: một là hiệu chung, hai là xưng số, ba là nói về vị, bốn là khen đức, năm là tên khác, sáu là tổng kết. Còn trong giải thích của hậu luận không giải thích điều đầu tiên và điều thứ hai. Văn đã rõ ràng.

Bồ-tát Ma-ha-tát tám muôn vị đều ở A-nậu-đa-la Tam miệu Tam Bồ-đề không lui sụt đối với, đều được Đà-la-ni đại biện tài lạc thuyết, xoay bánh xe pháp không lui sụt, cúng dường vô lượng trăm ngàn Chư Phật ở các Phật, trồng các gốc lành ở các chỗ Chư Phật, xưng là Đại từ bi mà tu thân tâm, khéo nhập Phật tuệ thông đạt trí ở bờ bên kia, tên là Phổ Văn Vô Lượng thế giới, độ được vô số trăm ngàn chúng sinh luận nói v.v... trở xuống là luận thích thứ hai ý theo văn chia làm hai: thứ nhất là giải thích chung một phẩm, gồm có bảy môn, thứ hai là nêu riêng bảy môn.

Luận chép: trong Pháp Môn của kinh này, đầu tiên là phẩm thứ nhất biểu hiện bảy công đức thành tựu. Phần đầu lại có hai câu: một bộ của pháp môn này là hiệu chung, phẩm thứ nhất là tên khác của một

chương, cả bảy thứ đều gọi là công đức, bảy thứ này đều có công năng hiển bày đạo lợi ích chúng sanh nên được gọi là công đức. Trong mỗi chương nghĩa nói đầy đủ, chẳng thừa, chẳng thiếu phá hoại, nên gọi là thành tựu. Thế nào là bảy v.v... trở xuống là thứ hai là nêu riêng bảy môn văn lại có hai. Đầu tiên là nêu, kế là giải thích văn.

Thế nào gọi là bảy thứ? Một là tự phần thành tựu, hai là chúng thành tựu, ba là khi Như lai muốn nói pháp chí thành tựu, bốn là y sở thuyết pháp uy nghi thuận theo trụ thành tựu, năm là y trên thuyết nhân thành tựu, sáu là đại chúng dực văn pháp hiện tiền thành tựu, bảy là Văn-thù-sư-lợi đáp thành tựu.

Phần Tựa thành tựu v.v...trở xuống thứ hai là giải thích bảy chương môn, chia thành bảy phần, phần đầu có năm: một là như vậy, hai là tôi nghe, ba là một thời, bốn là giáo chủ, năm là trú xứ, nay chỉ giải thích thứ năm. Phần đầu chia thành bốn dư kinh khác đã nói, đều dễ giải thích, nên không giải thích. Luận chép tự phần tựa thành tựu, ở đây nhắc lại thành tựu nghĩa của bài tựa.

Lại phân tựa thành tựu. Trong pháp môn này biểu hiện ra hai thứ thắng nghĩa thành tựu cũng cần phải biết. Thứ hai giải thích tự phần thành tựu, văn có hai: một là giải thích, hai là nêu kinh bày chỗ giải thích. Y theo phần đầu lại có bốn, một là nêu hai thứ thắng nghĩa khuyên biết. Thế nào gọi là hai v.v...trở xuống thứ hai là nêu riêng hai thứ thắng nghĩa, như ở dưới thành Vương xá. Thứ ba, đã nêu thành núi hai thứ thắng nghĩa ở chính cử thành sơn, nói pháp môn này là nghĩa tối thắng v.v... trở xuống. Thứ tư là nói về thắng nghĩa.

Trong pháp môn này đã chỉ bày hai thứ thắng nghĩa thành tựu phải biết, hai thắng nghĩa gồm: Một là nói lên thành tựu nghĩa trên hết trong pháp môn, hai là nói lên thành tựu nghĩa công đức. Nên như thành Vương xá hơn tất cả các thành xá khác, núi Kỳ-xà-quật hơn các núi khác.

Hỏi: Vì sao thành Vương xá hơn tất cả thành khác?.

Đáp: Truyện in riêng chép các nước thuộc năm Thiên-trúc có mười sáu nước lớn, năm trăm nước trung bình, mười ngàn nước nhỏ có sáu thành lớn, thành Vương xá là thành lớn nhất. Long Thụ nói: Sau khi Phật diệt độ trong nước, vua A-xà-thế dân chúng giảm ít, nên lập riêng một thành nhỏ, nhưng cũng hơn tất cả thành, hướng chỉ thành Vương xá gốc, ví như kinh này hơn các kinh khác. Hễ gọi là thừa thì có bốn thứ: một là nhân thiên, là Thế gian thừa, hai là Tiểu thừa, ba là Đại thừa, bốn là Nhất thừa. Kinh này chứng minh Nhất Phật thừa, nên hơn các

kinh khác. Còn nói kinh này đã cùng tận lý pháp, thông hiểu hết tâm chúng sinh, đầy đủ được ý nguyện của chư Phật. Các đạo trước Pháp Hoa như, Hoa Nghiêm v.v...tuy đã cùng tận được lý pháp, nhưng chưa hiểu rõ được chúng sinh năm thừa đều thành Phật, chưa thông suốt được tâm Chư Phật, cho nên kinh này là hơn hết. Kết thúc nhất hóa đều cuối, nên hơn hết. Như phẩm Thần Lực chép: Tất cả các pháp của Như lai, mọi thứ đều là thần lực tự tại; Tất cả mọi sự vật tiềm tàng sâu thẳm quan trọng đều được nói hết chỉ ra trong kinh này. Các kinh khác cho dù có dạy rõ nghĩa cũng không thông suốt được tâm Chư Phật, nên kinh này trên hết. Lại như luận này phẩm dưới v.v...trở xuống chép: Kinh này có mười bảy tên hiện rõ mười bảy công đức sâu xa nhất, nên gọi là hơn hết.

Hỏi: Đại thừa, Nhất thừa có gì khác với kinh này?

Đáp: Có giống, có điều khác. Giống là chỉ một mà bao gồm nên Nhất thừa gọi là Đại, là lớn không có hai, nên Đại thừa gọi là Nhất. Văn ở dưới chép: Vì các thanh nghe nói kinh Đại thừa gọi là Diệu Pháp Liên Hoa, cũng như Thắng-man Nhiếp thụ chính pháp tên là Ma-kha-diễn, nên biết nhất Đại không hai khác, Nhiếp luận gọi là Tiểu thừa, Đại thừa, Nhất thừa. Kim Cương Bát-nhã chép: cho người nói Đại thừa, cho người nói tối trên thừa, nên biết Đại khác với nhất. Nói khác là vì Đại thừa không phước bỏ hai. Nhất thừa đã bẻ bỏ hai, Đại thừa thêm phước hai, Nhất thừa công khai phước bỏ hai, Đại thừa chỉ là nhân, Nhất thừa là quả. Như luận Trí Độ nói thừa này xuất phát từ Ba cõi cho đến trụ trong Tát-bà-nhã. Tới Phật thừa thì lại đặt tên là Nhất thiết chủng trí, mà không gọi là thừa, nên biết được Đại thừa chỉ có nhân. Pháp Hoa nói ba xe một thành đều là quả vị ,nên biết chỉ có quả Nhất thừa. Lại Đại thừa có cả lẫn quả, như luận Thập Hai Môn nói chư Phật sở thừa nên gọi là Đại. Đại sĩ sở thừa nên gọi là Đại Nhất thừa chỉ có quả lại như Pháp Hoa chép. Nhất thừa là nói quả rốt ráo Bồ-đề Vô thượng. Ở đây chia nhất thừa thì lại có nghĩa khác. Kinh Niết-bàn chép: Phật tính là Nhất thừa bát-Nhã Thủ-lăng-nghiêm sử tử gầm. Nếu đã như vậy văn là Nhất thừa cũng là nhân không hai với Đại.

Hỏi: Vì sao Nhất thừa nghiêng thuộc về quả?

Đáp: Trước nói Ba quả, rốt ráo đến đây kinh nói hai quả chẳng rốt ráo chỉ có quả Phật mới rốt ráo, nên nói Nhất thừa chỉ thuộc về quả Phật. Núi Linh Thứu tất cả nơi núi; Nước Ma-già-đà có năm quả núi, trong năm quả núi đó, núi Linh thứu là hơn hết.

Hỏi: Như Kinh Thập Địa, v.v... nói mười núi báu, vì sao nói núi

Linh Thứu hơn tất cả?

Đáp: Núi Linh Thứu là nơi thường trú của Chư Phật ba đời, các núi khác không bằng, nên nói nghiêng về sự vượt hơn.

Hỏi: Thế nào là nghĩa tự tại?

Đáp: Đã nói Phật thừa, Phật sẽ liên tự tại, lại các kinh khác sẽ dạy ý nghĩa, kinh này kết thúc chung hội nhất hóa đầu cuối, sinh ra thu nhập, nên gọi là tự tại.

Hỏi: Trong chương môn nói một là nghĩa hơn, hai là nghĩa tự tại, nay lại nói Thành sơn đều là nghĩa hơn, thế nào là tự tại?

Đáp: Tứ hai thắng này nên là Tự tại, lại Vương thành lấy là tự tại, núi phải lấy hơn.

Hiểu rõ được lý do nghĩa tối thắng của pháp môn này, cũng giống Như kinh chép:: Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ Đức Phật trú lại trong núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá. Chúng thành tựu như sau là: chúng phần thứ hai trong bảy thành tựu chia thành hai, trước là nêu, sau giải thích.

Chúng thành tựu có bốn nghĩa thành tựu nên biết: Thích đầu tiên nêu bốn chương môn, kế là giải thích có bốn chương môn bốn chương môn là.

Thế nào là bốn? Một là sở thành tựu, hai là hành thành tựu, ba là nhiếp công đức thành tựu, bốn là uy nghi đúng như pháp thành tựu. Bốn chương đầu là giải thích chung, Đại thừa Tiểu thừa có bốn việc này: một sắc thành tựu dưới, giải thích tứ riêng bốn chương môn, tứ thành bốn chương khác nhau.

Một là sắc thành tựu, là đại chúng vô số. Sắc thành tựu là nói chung con số đại tiểu hai chúng như từng nghe nói một muôn hai ngàn Bồ-tát có tám muôn đồng nói là vô số, nói lên sự tổn lược nên chỉ gọi chung là không thể nói .

Trong hành thành tựu , giải thích chương hai. Văn có hai: đầu tiên là giải thích chung hai chúng đại tiểu, gồm có bốn hành, sau là giải thích riêng về hành thể của; Hai hành thành tựu có bốn thứ: một là các Thanh Văn nghe tu hạnh Tiểu thừa, hai là nói các Bồ-tát tu Đại thừa, ba là nói các Bồ-tát thân thông tự tại lực tùy thời nói lên năng lực, tu hành các hạnh, mười sáu Hiền sĩ như Bồ-tát Bạt-đà Ba-la, v.v... đều không thể suy nghĩ bàn luận, thường nói lên các thứ hình tướng được nói lên ra mà không phải suy xét gì tới các việc được gọi là Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Tỳ-kheo ni, v.v... Nên bốn hạng xuất gia đó nghe thanh danh uy nghi chắc chắn Bồ-tát không giống với Bốn hạnh Bồ-tát, gồm có hai: một

là đối với Đại Tiểu, hai là định hay bất định, đại tiểu Thanh Văn nhất định tu Tiểu hạnh, Bồ-tát nhất định tu Đại hạnh. mới có khả năng nói lên hạnh vô định vô phương. Như mười sáu Hiền sĩ có khả năng nói lên bốn chúng Tiểu thừa, là Đại bao gồm tiểu. Đại nói lên Tiểu hạnh. Sau đó, các Tỳ-kheo ni xuất gia Thanh Văn định hạnh, sau cùng chắc chắn sẽ định được uy nghi của người xuất gia.

Hỏi: Vì sao luận lại nêu ra mười sáu Đại sĩ.

Đáp: Mười sáu là vị Bồ-tát tại gia để đối với Tiểu thừa xuất gia là nói đạo tục, nói định bất định, đều là A-la-hán trở xuống. Thứ hai này là giải thích riêng hai thứ hành sự của Tiểu thừa và Đại thừa. Lại có hai: đầu tiên là nêu chung số công đức của Đại Tiểu thừa, sau đó là phân biệt giải thích như vậy.

Đều là các bậc A-la-hán có mười sáu câu nói lên thành tựu công đức Thanh Văn do đó đều không lui sụt đối với quả vị A-nậu - đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề, có mười ba câu nói lên thành tựu công đức Bồ-đề, Tiểu thừa có mười sáu câu công đức. Luận kinh rộng nên có mười sáu câu, Bồ-tát có mười ba câu. Kinh của La thập đồng với luận kinh của Thiên Thân, những người thành tựu công đức A-la-hán là giải Thích chướng môn. Trên nay trước giải thích La-hán chương môn ở lại chia thành hai: trước nêu môn ba chương, sau là giải thích môn ba chương.

Người thành tựu công đức A-la-hán Mười sáu câu kia đã nói lên ba môn nhiếp nghĩa, nên biết ba môn đó là? Một là môn trên trên khởi, hai là môn tổng biệt tướng, ba là môn nhiếp lấy sự. Là dùng ba môn này làm mười sáu câu văn kinh của, trên trên khởi môn là giải thích thứ hai.

Môn Trên trên khởi là các lậu đã hết gọi là A-la-hán, vì tâm vì tự tại nên gọi là các lậu đã hết. Bởi các lậu đã hết nên gọi là La-hán, Vì tâm không còn phiền não nên gọi là tâm được tuệ giải thoát, Tâm được tự tại, từ nơi cách xa mà thấy được những gì đáng thấy, nên có tên là không còn phiền não. Vì khéo được ba giải thoát, khéo được tuệ giải thoát, nên có tên là tâm thiện, điều phục được con rồng lớn trong loài người làm điều ác như đi trên đất bằng không gặp trở ngại gì, người đi đường đã tới nơi cần tới, nên điều cần làm đã làm được, con rồng lớn ở trong loài người đã được đối trị, hàng phục được phiền não; kẻ thù, nên việc cần làm đã làm xong, càng không có hậu sinh, như việc tương ứng đã thành được. Nên trút bỏ được gánh nặng trên đường xa, việc cần làm đã làm xong, gánh nặng hậu sinh đã vứt bỏ. Vì thế người cầu lấy lợi cho mình đã vứt bỏ được gánh nặng, chứng được Niết-bàn. Nên người

đã hết các hữu kết đã vứt bỏ được lợi mình dứt được nguyên nhân phiền não, nên khéo được tâm chính trí giải thoát, các lậu đã hết. Nên người có tâm tự tại lại khéo biết, gặp đạo tu đạo trí, nên tới được bờ kia, khéo được chính trí, tâm được giải thoát, khéo được thần thông, không tranh giành các công đức như Vô tránh tam-muội, v.v..., nên các bậc Đại A-la-hán tâm được tự tại, tới được bờ bên kia. Mọi người đều biết nghĩa là các vua, vương tử, đại thần, dân, Đế-thích Thiên vua, Pđướiim Thiên Vương, v.v... đều quen biết nên lại là Thanh Văn, Bồ-tát, Phật. Đó là thắng trí giả, thắng trí giả này đều khéo biết gọi là mọi người đều quen biết có thể y theo môn hai nghĩa giải thích :Một là y theo nghĩa giải thích, hai là y theo văn giải thích, có thể y theo hai nghĩa để giải thích, là người học có công đức cao hơn công đức của kẻ phàm phu. Công đức của người Vô học hơn công đức người hữu học, nên gọi là Trên trên. Như ở dưới luận chép: khéo được chính trí tâm giải thoát nên gọi là trên trên công đức, chỉ có La-hán mới được công đức này.

Lại như La-hán cũng có hai thứ: Một là độn căn tiểu La-hán công đức vi trên, đây là khen ngợi công đức bậc Đại La-hán nên nói là trên trên. Đại La-hán có hai công đức: Một là trên công đức, hai là trên trên công đức. Mười sáu câu khen ngợi trên trên công đức, lúc sắp sinh khởi trên trên công đức này. Theo dưới Thích Văn đã nói trên trên là một trên là trên một trên là dưới. Trên, dưới lẫn nhau^o hiện thích là môn trên trên khởi xét trong giải Thích ở dưới đều có năm ý: một là dùng dưới giải thích trên, hai là dùng trên giải thích dưới, ba là dùng trên giải thích trên, bốn là dùng dưới giải thích dưới, năm là dùng trên và dưới để giải thích một câu. Dùng dưới giải thích trên nói các lậu đã hết nên gọi là A-la-hán. Các lậu đã hết, vì tâm được tự tại, nên điều này cũng là dùng dưới giải thích trên. Điều khác với câu trước là trước thì nhiếp, kế dùng dưới giải thích trên. Nay là siêu cú dùng dưới giải thích trên. Dùng không còn phiền não nên gọi là tâm được tự tại. Đây là dùng trên giải thích dưới. khéo được tâm giải thoát gọi là tâm được tự tại. Đây là dùng dưới giải thích trên. Nên câu giải thích tâm tự tại dùng hai câu trên dưới để giải thích. Hỏi: Vì sao tâm được giải thoát, tuệ được giải thoát? Đáp: Luận Trí Độ chép: thuộc ái hết gọi là tâm thoát, thuộc kiến hoặc tận gọi là tuệ thoát, định chướng lại giải thích rằng hết gọi là tận giải thoát Tuệ chướng hết là tuệ giải thoát. Theo Tỳ-đàm định là số, định tuệ là tuệ số, giải thoát cũng là giải thoát số, tương ứng giải thoát với định gọi là định giải thoát, tuệ giải thoát cũng giống như thế. Từ nơi cách xa có thể thấy cái có thể nhìn, nên gọi là không còn phiền não. Điều này đã

được giải thích. Những điều nghi ngờ phải do từ cái năng thấy mà sinh ra. Đã xa cách mà nhìn được cái năng nhìn, là sự phiền não không còn khởi nữa. Khéo được tâm giải thoát, tuệ giải thoát, gọi là tâm khéo điều phục. Đây là dùng trên giải thích dưới. Con rồng lớn ở trong loài người là giải thích câu nói ấy. Ở xa biết trước có thể thấy được hết những điều đã nhìn, đó là dùng trên giải thích trên, nay là dùng dưới giải thích trên. Điều ứng tác này là dùng trên giải thích dưới, người làm được điều đã nói chính là ở câu đó, như những việc tương ứng đã được thành tựu, với lý Tứ đế tương ứng. Người buông bỏ các gánh nặng, đây là dùng trên giải thích dưới. Dùng hai câu trên để giải thích câu này! Làm được lợi mình là dùng trên giải thích dưới. Các hữu kết hết, dùng là trên giải thích dưới. Khéo được chính trí tâm giải thoát là dùng trên giải thích dưới. Tất cả tâm đều được tự tại là; giải thích ngang câu đó. Đến bờ bậc nhất kia, là dùng trên giải thích dưới, cũng là giải thích câu nói đó. Đại A-la-hán, trong giải thích kinh ngang, là các vị Đại A-la-hán mà mọi người đều biết. Dùng hai câu trên để khen ngợi đức trong tâm được, tự tại và bờ bên kia để giải thích. Lấy việc tới bờ bên kia là rốt ráo Thanh Văn, nên gọi là Đại A-la-hán.

Hỏi: Tâm được tự tại, vì sao là giải thích Đại A-la-hán?

Đáp: Trước đã giải thích tâm được tự tại đều là định tuệ, cả hai nghi hoặc đều đã hết thì gọi là Tâm tự tại, điều này phải là Đại A-la-hán. Trong giải thích mọi người đều quen biết, trước tiên là hiểu rõ trí thức của phàm chúng. Lại Thanh Văn v.v...trở xuống là nói sự hiểu biết của các bậc thánh. Dùng những điều mà người phàm và bậc thánh đều đã biết nên được gọi là chúng.

Phân biệt chung giải thích môn thứ hai. Đầu tiên là môn nêu chương đều là A-la-hán v.v...trở xuống giải thích môn chung riêng A-la-hán, v.v... Một câu A-la-hán là chung, lậu tận đã phân biệt với mười lăm câu sau là riêng,

Tướng môn chung riêng đều là A-la-hán. Dưới đây chỉ giải thích chung, không giải thích riêng.

Mười sáu câu đều là A-la-hán v.v..., câu đầu là chung, các câu còn lại là riêng, đều là A-la-hán kia. A-la-hán gọi là tương ứng, có mười lăm nghĩa, mười lăm nghĩa gồm: Một là nên thọ ăn thức uống, đồ nằm cung kính cúng dường; Hai là nên giáo hóa tất cả đại chúng; Ba là nên nhóm họp trong thành ấp; Bốn là nên hàng phục các ngoại đạo; Năm là nên dùng trí tuệ nhanh chóng quán sát các pháp; Sáu là nên nói pháp không nhanh không chậm, đúng như pháp tương ứng không

một mới; Bảy là nên tĩnh tọa ở chỗ vắng, mọi thức ăn uống quần áo đủ sống không chứa dư, ít muốn biết đủ; Tám là nên thường thực hành hạnh lành, không đấng các thiền; Chín là nên thực hành không thánh hạnh; Mười là nên thực hành vô tướng thánh dưới; Mười một là nên thực hành vô nguyện thánh dưới; Mười hai là nên hàng phục thế gian thiền tịnh tâm; Mười ba là nên khởi các thần thông thù thắng công đức; Mười bốn là nên chứng nghĩa đệ nhất thắng công đức; Mười lăm là nên cùng sống như thật với chúng sinh, được các công đức đều làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tổng La-hán hoặc dịch là bất sinh, tặc, Vô trước, Ứng cúng. Ngày nay ngài Thiên Thân dịch thắng là ứng. Câu đầu tiên giải Thích trong mười lăm câu, là nói nên thức uống ăn chính là nghĩa ứng cúng. Mười bốn câu còn lại chỉ gọi là Ứng như văn đã nêu. Điều thứ mười lăm nói nên biết như thật đồng với chúng sinh, được các công đức. Nhưng kinh nói: có hai thứ, năm thứ Phật tử, cùng sinh ra từ miệng Phật, cho rằng cùng sinh ra chúng sinh. Một là Bốn quả và Duyên giác gọi là năm thứ Phật tử. Hai là bốn quả là Bồ-tát pháp thất là năm thứ Phật tử Nhiếp lấy sự môn là giải Thích thứ ba môn, y theo văn có hai: đầu là nêu chung, kế là giải thích riêng.

Nhiếp lấy (nhiếp lấy nghĩa là nhiếp lấy) sự môn, mười lăm câu này nhiếp lấy mười thứ công đức nên biết nói lên quả có thể nói, hoặc quả không thể nói. Mười lăm câu nhiếp lấy này, mười thứ công đức nên biết. Là nói dùng mười lăm câu nhiếp lấy mười thứ công đức nói lên quả có thể nói, hoặc quả không thể nói. Một giải thích: khác có quả của hành vi có thể nói, không có quả của hành vi thì không thể nói. Nếu theo giải thích, làm mười tên công đức thì danh vị có thể nói, nếu không làm được mười công đức thì danh vị không thể nói. Mười thứ ấy là gì trở xuống: là nói mười công đức riêng. Một là nhiếp lấy đoạn đức công đức hai câu nói lên như kinh các lậu đã hết không còn phiền não; Hai là ba câu nhiếp lấy các công đức: một câu là hàng phục thế gian công đức Như kinh chép: tâm được tự tại, hai câu là hàng phục xuất thế gian, công đức của người học như kinh khéo được tâm giải thoát, khéo được tuệ giải thoát; Ba là nhiếp lấy không chống lại công đức thuận theo giáo Như lai mà hực hành. Vì thế Như kinh chép: tâm khéo điều phục; Bốn là nhiếp lấy công đức Như kinh chép: rộng lớn trong loài người; Năm là nhiếp lấy sở ứng tác thắng công đức. Sở ứng tác có thể theo pháp cúng dường cung kính tôn trong Như lai nên điều Như kinh chép: nên làm, phải làm; Sáu là lấy đầy đủ công đức, đầy đủ học địa, nên điều như kinh làm, đã làm được hết; Bảy là ba câu đã nhiếp lấy qua công đức: a/ quá

yêu, b/ quá cầu mong cúng dường cung kính, c/ vượt quá cõi trên, dưới đã quá Học địa, nên Như kinh chép: trút bỏ các gánh nặng, được lợi mình, dứt hết các hữu kết; Tám là nhiếp lấy lấy công đức trên trên Như kinh chép: khéo được chính trí tâm giải thoát; Chín là nhiếp lấy những lợi ích nên làm cho công đức lợi ích của chúng sinh, Như kinh chép: tất cả tâm được tự tại; Mười là nhiếp lấy công đức trên thủ, Như kinh chép: tức bờ kia bậc nhất.

Một là nhiếp lấy lấy đức công đức của nói lên hai câu.

Hỏi: Thế nào là công đức danh đức?

Đáp: Tất cả La-hán phải ứng theo các lậu đã hết, không còn phiền não, nên nói đức công đức.

Hai là ba câu nhiếp lấy các công đức.

Hỏi: Thế nào gọi là các công đức?

Đáp: Trong ba câu, câu đầu là hàng phục phàm, hai câu sau là hàng phục bậc thánh, nên gọi là các. Đã nhiếp lấy được quá cũng ba câu sao không gọi là các? Lấy ở nguyên nhân đầu, lại như ba câu sau nói là qua. Ba ứng này là Ba hàng phục công đức, nhưng đặt tên không giống nhau.

Ba là nhiếp lấy mà không trái với công đức. Câu trước nói có khả năng hàng phục cõi. Câu này khen ngợi sự trên thuận của nó, nói rằng được quả La-hán rồi thì mới khéo thuận theo Phật hạnh dạy

Bốn là công đức nhiếp lấy thù thắng, nghĩa là trong các La-hán trên hết như con rồng lớn trong loài người.

Năm là nhiếp lấy lấy công đức thù thắng nên làm là nói, tuy được La-hán vị báo ân Phật càng nên kính dưỡng, tôn trọng Đức Phật. Điều kể thứ ba ở trước là thuận theo pháp, câu này đã nói về tôn người quý.

Sáu là nhiếp lấy đầy đủ công đức, học địa phải làm mà, chưa làm nên chưa đầy đủ. Nay những điều phải làm đã làm xong, nên gọi là đầy đủ.

Bảy là ba câu nhiếp lấy qua công đức, trước xếp vào ba quá, đầu tiên là hai quá quá phàm, sau là nhất quá quá cõi trên dưới. Nói rằng quá Học địa thật quá ba cõi. Còn nói cõi trên dưới thì cõi dục là tán, hai cõi trên là tĩnh, nên cõi trên dưới đã lấy ba cõi. Ba câu kế là Hữu học, trút bỏ các gánh nặng thích trên quá ái. Gánh nặng tuy là có năm ấm mà ái là chính. Được lợi mình giải thích rằng quá cầu mệnh cúng dường cung kính. Để được lợi ích Niết-bàn nên không cầu mệnh kính dưỡng lợi lộc ở thế gian. Dứt hết các hữu kết được giải thích trên quá cõi trên

dưới. Đã hết ba kiết hữu nên quá cỡi trên dưới.

Tám là nhiếp lấy công đức trên trên.

Hỏi: Khéo được chính trí tâm giải thoát, vì sao lại gọi là công đức trên trên.

Đáp: luận nói: trong môn trên trên khởi ở trước chép: tại sao gọi là khéo được chính trí tâm giải thoát, là vì các lậu đã hết. Ý của người giải thích chính là ở chỗ lậu hết. Nên lậu tận là công đức trên trên. Y theo lời văn giải thích các lậu hết trong mười tám công đức là công đức đầu tiên, nên nói là trên trên.

Chín là nhiếp lấy lấy nên làm công đức lợi ích chúng sinh để cho tất cả tâm được tự tại, có thể tự tại lợi ích chúng sinh.

Mười là nhiếp lấy công đức trên thủ. Luận Tỳ-bà-sa chép: Ba-la-mật-đa Thanh Văn nghe. Điều này đã vượt qua được bờ thứ nhất bên kia. Bờ thứ nhất bên kia là Ba-la-mật.

Hỏi: Vì sao gọi là bờ bên kia?

Đáp: Tất cả công đức cao quý của La-hán, như Tam-muội Vô Tránh, v.v... đều hiểu biết được rất ráo, vì thế gọi là bờ bên kia.

Hỏi: Trong mười công đức của kinh La-thập gồm có thứ?

Đáp: Chỉ có ba công đức, các lậu đã hết không còn phiền não nữa. Là đức ở trong công đức là công đức. Được lợi mình hết dứt các hữu kết, là quá công đức thứ bảy. Trong luận về Quá Công Đức có ba câu. Nay không trút bỏ được các gánh nặng thế nhưng đã được đức lợi mình dứt hết các hữu kết. Tâm được tự tại, là công đức thứ hai trong mười công đức. Luận nói các công đức có ba câu, nay chỉ có công đức hàng phục thế gian, gọi là tâm tự tại, khéo được tâm giải thoát, khéo được tuệ giải thoát. Điều hàng phục thứ hai này là công đức Hữu học ở người, nay không thuộc ở đây. Bồ-tát thành tựu công đức, lần thứ hai đặc biệt giải thích công đức của Bồ-tát. Công đức Bồ-tát đã thành tựu, y theo văn có hai, đầu tiên là nêu chung.

Các Bồ-tát thành tựu công đức. Có mười ba câu công đức như sau: thứ hai là giải thích văn có hai, đầu tiên là nêu hai môn, kế giải thích hai môn, đầu tiên lại có hai, trước nêu chung hai môn khuyến tri.

Có mười ba câu công đức, hai môn công đức lấy nghĩa ra đã nói lên điều nên biết. Thế nào là hai môn? Ở đây sẽ phân biệt về hai môn.

Thế nào là hai môn? Một là trên chi dưới chi môn, hai là nhiếp lấy lấy sự môn.

Trên chi dưới chi môn nói về tướng chung và tướng riêng. Tướng

chung ở trước gọi là trên chi, tướng riêng ở sau gọi là dưới chi. Muốn nói hai nghĩa chung và riêng cành nhánh khác nhau nên gọi là chi.

Nhiếp lấy sự môn lấy mười ba câu nhiếp lấy sự việc công đứ quan trọng của Bồ-tát. Nên nói nhiếp lấy sự môn đều ở chỗ Tam Bồ-đề không lui sụt kế biến chuyển là chung. Đây là thứ hai giải thích hai môn, liền thành hai khác nhau. Nay trước giải thích môn trên chi dưới chi.

Môn Trên chi dưới chi là tướng chung và tướng riêng, so với nghĩa nên biết đều được A-nâu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề không lui sụt đó là tướng chung, còn lại là tướng riêng không lui sụt. Có mười thứ nói lên nên biết.

Một, là trú nghe pháp không lui sụt. Đây là sự khác nhau giữa mười câu là thứ hai giải thích biệt môn cũng thứ lớp sinh nhau.

Thế nào là mười?

Một, là trụ nghe pháp không lui sụt như kinh đều được Đà-la-ni.

Hai, lạc không lui sụt chuyển đại biện tài lạc thuyết.

Ba, thuyết không lui sụt như kinh chuyển không lui sụt thuộc về pháp không lui sụt.

Bốn, chỉ thiện tri thức không lui sụt, dùng tâm nghiệp của bản thân y theo sắc thân nhiếp lấy lấy, nên như kinh cúng dường vô lượng trăm ngàn Chư Phật, nên đã trồng được các gốc lành đối với Chư Phật.

Năm, là dứt bỏ mọi nghi vấn không lui sụt, như kinh và các Đức Phật thường xưng hô, khen ngợi.

Sáu, là Nói pháp vì biết bao nhiêu việc đã nhập vào các pháp không lui sụt, như kinh đã dùng đại từ bi để tu thân tâm.

Bảy, là Nhập vào tất cả trí tuệ như thật cảnh giới không lui sụt Như kinh chép: khéo nhập Phật tuệ.

Tám, dựa vào ngã không, pháp không chẳng lui sụt như kinh thông đạt đại trí.

Chín, nhập vào cảnh giới như thật không lui sụt Như kinh chép: đến bờ bên kia.

Mười, làm những điều nên làm, trụ trì không lui sụt như kinh gọi là nghe khắp vô lượng thế giới, độ được trăm ngàn chúng sinh.

1. Ban đầu nghe pháp không lui sụt gọi là văn trì.

2. Mà vui nói không lui sụt: bên trong tuy nghe pháp mà không quên, bên ngoài lại có biện tài lạc thuyết.

3. Lạc thuyết không lui sụt: nghe pháp mà không quên lại có biện tài, về sau lại được nói pháp cho chúng sanh nghe.

4. Y chỉ thiện tri thức không lui sụt: Vì ba công đức kể trên đều do thiện tri thức tạo thành nên được nói lại. Nghiệp thân tâm dựa vào sắc thân để nhiếp thụ, nghiệp thân tâm nói ở đây là ba nghiệp của Bồ-tát để cúng dường trăm ngàn Phật. Dựa vào sắc thân, sắc thân ở đây nói chỉ là thân Phật; Bồ-tát dựa vào sắc thân Phật để gieo trồng gốc lành!

Hỏi: Vì sao không dựa vào pháp thân để gieo trồng gốc lành?

Đáp: Là để chứng minh các việc cúng dường để gieo trồng gốc lành? Nên phải hiểu rõ về sắc thân. Những thứ nhiếp lấy được dựa vào sắc thân Phật để gieo trồng tất cả gốc lành nhiếp thụ.

5. Dứt tất cả nghi không lui sụt: Tuy đã gieo trồng được gốc lành nhưng có nghi ngờ chưa hiểu thì Phật sẽ giải quyết cho. Vì thế đối với Tam bảo không được hoại lún, đã không còn nghi ngờ và giải quyết được, nên phải khen ngợi Phật.

6. Là những gì, những gì gọi là kính thờ nói pháp, nhập vào các pháp kia không lui sụt. Đã được vô nghi, liền đứng thẳng dùng thân, miệng ý nói pháp cho chúng sinh nghe, nên phải trên khởi. Nói pháp vì việc gì, các việc đều không giống nhau, nên phải nhấn mạnh vào chữ thứ nào. Nhập vào pháp kia là đã thấu đạt các thứ pháp môn.

7. Là nhất thiết trí như thật cảnh giới không lui sụt. Phần trên là hiểu rõ từ bi, nay nói về trí tuệ. Nên đó là điều cần thiết thứ hai.

Hỏi: Trí Nhất thiết nói như thế nào là cảnh giới như thật.

Đáp: Mọi trí tuệ của Phật và Bồ-tát là cảnh giới đã nhập vào.

8. Là y theo ngã không pháp không chẳng lui sụt. Phần trên đã hiểu rõ hữu tuệ, nay lại nói về không tuệ, nên đều cần thiết.

Hỏi: Ngã không, pháp không vì sao lại gọi là đại trí?

Đáp: Ngã không pháp không là thật tướng các pháp. Lý của thật tướng rộng lớn, dựa vào thật tướng mà sinh ra, nên gọi là đại trí. Lại như Tiểu thừa chỉ được nhân không, tiểu trí. Các Bồ-tát đều được hai không, nên gọi là đại trí.

9. Là cảnh giới như thật không lui sụt. Ở trên nói không có hai tuệ, nay nói không có hai cảnh, cùng có thể tiếp nhận được của cõi trên không tuệ. Nhưng nói về cảnh giới Không là cảnh như thật.

10. Là tác sở ứng tác không lui sụt. Bồ-tát đã đi sâu vào cảnh giới như thật, được đến bờ bên kia, còn muốn cho chúng sinh cũng đến bờ bên kia, nên tiếp với điều trên cũng như vậy làm điều nên làm. chính là giáo hóa chúng sanh giáo hóa chúng sanh là nên làm, vì việc thường giáo hóa chúng sanh không ngừng nghỉ nên gọi là Trụ trì.

Hỏi: Giáo Hóa chúng sanh vì sao lại nói nghiêng về làm điều nên

làm?

Đáp: Đại phẩm nói đại sự chính là nói về việc cứu giúp các chúng sinh. Điều này chính là việc mà Bồ-tát thường vẫn nên làm. Trí Luận Độ chép: Bồ-tát được Vô Sinh Nhẫn nên về sau càng không có dư sự nữa, điều duy nhất là đã thành tựu được cõi Phật thanh tịnh cho chúng sinh. Trong đó chứng minh được Bồ-tát vô sinh nhẫn, nên điều duy nhất là phải giáo hóa chúng sinh, nên nói là nói làm những điều nên làm).

Nhiếp thọ sự môn là giải thích nhiếp thọ sự môn thứ hai, hễ có hai vòng thì: vòng đầu là môn phân biệt nêu chương, vòng sau là môn giải thích chương.

Nhiếp thụ sự môn là nói về người nhiếp lấy dùng mười ba câu để nhiếp thụ việc Bồ-tát. Nói lên ra các Bồ-tát ở dưới. Thứ hai là giải thích chương môn, nhập vào văn nghĩa có hai: đầu tiên là nêu ba môn, kế là giải thích ba môn. Người giữ gìn được sự thanh tịnh như thế nào ở trong đó thì được xếp vào ba môn .

Nói lên các Bồ-tát đã sống trong cõi nước thanh tịnh như thế nào, đã có phương tiện như thế nào, ở trong cảnh giới như thế nào, để làm được những việc nên làm. Đất thanh tịnh là nói về vị trí của Bồ-tát. Luận Thập Địa của Long Thọ chép: Đất là nói các thứ bậc của Bồ-tát ở và sử dụng, vì vậy người đã phương tiện được tới mức độ nào thì được xếp vào chương môn thứ hai. Là ở trong mảnh đất ấy nên làm những việc có tông dụng tốt đẹp thì được gọi là phương tiện. Người ở cảnh giới nào thì được xếp vào thứ ba chương môn? Là làm được những việc đối với cảnh giới, làm những việc nên làm ở trong cảnh giới.

Địa thanh tịnh v.v...trở xuống là giải thích môn Tam chương, là thành ba biệt.

Địa thanh tịnh: Ba địa từ Địa thứ tám trở lên là vô tướng thực hành vắng lặng thanh tịnh là địa thứ tám chín mười vô tướng thực hành vắng lặng thanh tịnh. Định của địa thứ sáu là bất tịnh, giữa hai cõi của địa thứ bảy, vừa tịnh vừa bất tịnh. Địa thứ bảy thứ tám trở lên gọi là Định thanh tịnh địa vô tướng hữu công dụng nên chưa được vắng lặng. Bát địa vô tướng vô công dụng, nên vắng lặng vì vắng lặng nên thanh tịnh. Lại cũng được vô tướng là thứ tám địa, vắng lặng là địa. Thứ chín thanh tịnh là nói địa, thứ mười vì thứ mười địa đối với hai chương hoặc và, trí dứt là chương kết tập triền hết, nên gọi là thanh tịnh. Phương tiện môn v.v...trở xuống là giải thích. thứ hai.

Địa phương tiện có bốn thứ: Một là nhiếp lấy pháp mâu phương tiện trụ trì pháp mâu, dùng năng lực lạc thuyết để giảng nói cho người;

Hai là nhiếp lấy thiện tri thức phương tiện, dựa vào thiện tri thức để làm những việc nên làm; Ba là nhiếp thụ chúng sinh phương tiện để không ruồng bỏ chúng sinh; Bốn là nhiếp thụ trí phương tiện để giáo hóa chúng sinh, giúp cho người nhập được nhập vào trí kia.

Xương chung phương tiện có bốn thứ:

- Một là nhiếp thụ pháp mẫu phương tiện, nêu phương tiện gọi là Trú trì. Pháp mẫu v.v...trở xuống giải thích phương tiện gọi là Trú trì. Pháp mẫu tức là trên đều được Đà-la-ni, để được văn trì, ngày nay pháp mẫu đã nghe không mất là trụ trì. Người dùng lạc thuyết phục để nhiếp thụ trên lạc thuyết, biện báng xe tải tình, người được thuyết phục nhiếp thụ trên chuyển không lui sụt pháp luận, nên dùng ba câu kinh để nhiếp lấy pháp mẫu phương tiện.

Hỏi: Vì sao gọi đây là làm Phương tiện?

Đáp: Là Trụ trì dẫn tới thuyết phục người gọi là phương tiện.

Hỏi: vì sao gọi là pháp mẫu?

Đáp: Câu đầu đều đối với Tam Bồ-đề không lui sụt, là lấy Bồ-đề làm pháp mẫu.

- Hai là nhiếp lấy thiện tri thức phương tiện, gọi là phương tiện. Y theo thiện tri thức v.v...để giải thích phương tiện. Lại nhiếp ba câu kinh để dựa vào thiện tri thức là văn kinh vô lượng trăm ngàn muôn ức Chư Phật. Người làm điều nên làm nhiếp lấy ba câu văn kinh: một là thu nhiếp cúng dường, hai là nhiếp lấy các Đức Phật đã gieo trồng lành mà, ba là nhiếp lấy những điều thường được các Đức Phật che chở. Ba thứ này dựa vào thiện tri thức, là việc phải làm.

- Ba Nhiếp thụ chúng sinh phương tiện là nêu tên phương tiện, lấy việc không xả bỏ chúng sinh để giải thích phương tiện, là lấy kinh để đại phương tiện, là để nhiếp kinh dùng đại từ bi mà tu thân tâm.

- Bốn nhiếp lấy trí phương tiện là nêu tên phương tiện, để giáo hóa chúng sinh, khiến nhập trí kia là: giải thích phương tiện, là dùng kinh khéo nhập Phật tuệ để thông đạt đại trí.

Cảnh giới là dị giải: cảnh giới dị giải là giải thích điểm thứ ba ở trên, là ở trong cảnh giới như thế nào thì nên làm những điều phải làm, là nhiếp kinh được đến bờ bên kia. Nên trong luận văn ở trước chép: cảnh giới như thật không lui sụt là đã đến được bờ bên kia. Lại như ở văn sau giải thích cảnh giới ba trí, nên ở đây vẫn không giải thích. Lại có nhiếp lấy sự môn, vòng thứ hai giải thích lại nhiếp lấy sự môn, đầu tiên là nêu môn.

Lại có nhiếp lấy sự môn: Từ nói lên các địa hạp lấy công đức, cao

quý v.v...trở xuống là:giải thích môn, là với môn trước khác. Tiền môn là nói địa vị và cảnh giới phương tiện. Ở đây là nói công đức nhiếp lấy của trên địa.

Việc nói lên các địa nhiếp lấy công đức cao quý không giống như công đức Hai thừa, nên trong thứ tám địa trí vô công dụng khác nhau giữa địa trên địa dưới. Cái không giống với địa dưới, công dụng của địa dưới là không thể động được, không giống với địa trên là vô tướng hành bất năng động. Nên tự nhiên mà thực hành ở trong địa thứ chín được thắng tiến Đà-la-ni môn cụ túc bốn trí vô ngại tự tại. Nên trong địa thứ mười xoay bánh xe pháp không lui sụt, được nhận ngôi vị phật như Thái tử vua của Chuyển Luân, nên đã dùng được đồng để nhiếp thụ nghĩa công đức.

Khác với Hai thừa công đức: công đức trong phần nói chung về các địa không giống như Hai thừa. Trong Thứ tám địa không có công dụng dưới đây được phân biệt rõ công đức trong địa thứ ba, không giống như địa trên địa dưới là vì vậy. Phân biệt với công đức, của địa thứ tám là hiệu đầu tiên khác với cõi trên cõi dưới. Từ chỗ khác với cõi dưới giải thích sự khác nhau với cõi trên cõi dưới. Công dụng của địa dưới không thể động được, từ Sơ địa tới Thất địa đều là vị công dụng. Lấy trong vị công dụng chia làm hai phần trên và, dưới. Địa Thứ sáu trở xuống gọi hữu tướng hữu công dụng là nhất vị. Một địa thứ bảy gọi là vô tướng hữu công dụng là một vị. Nay bước lên thứ tám địa không vì hai công dụng trên dưới như vậy mà động được. Tự nhiên thực hành là địa thứ tám vô tướng vô công dụng. Dùng sự vô công dụng nên nói là tự nhiên thực hành.

Lại chia Thập địa ra làm ba vị, một là vị hữu tướng hữu công dụng vị, hai là vô tướng hữu công dụng, ba là vị vô tướng vô công dụng. Từ sơ địa tới địa thứ sáu vị gọi là vị hữu tướng hữu công dụng. Địa thứ bảy là vô tướng hữu công dụng. Địa thứ tám là trên vô tướng vô công dụng. Luận nói rằng công dụng địa dưới bất năng động là vị thứ hai, tự nhiên thực hành là vị thứ ba.

Hỏi: Vì sao nói công dụng địa dưới trên vô tướng hành bất năng động?

Đáp: Chính là sự giải thích tên gọi bất động địa. Nên gọi bất động là không vị hai công dụng mà động, nên đặt tên là bất động. Chỉ có luận Pháp Hoa có ba vị này, các luận khác thì không.

Hỏi: Bất đồng Hai thừa và Bất Đồng dưới vị được giải thích ở kinh nào?

Đáp: Giải thích trước hết ở Tam Bồ-đề không lui sụt. Nhất không lui sụt là Hai thừa khác với địa trên, Hai thừa công đức nói năng miễn trừ cho sự thoái hai. công dụng địa dưới bất năng động nói về hạnh không lui sụt. Địa Trên vô tướng hạnh bất năng động nói về niệm không lui sụt. Để miễn trừ lui sụt, nên nói Tam-bồ-đề không lui sụt. Cũng từ sự khác nhau với công đức Hai thừa, cuối cùng dẫn đến tự nhiên thực hành đều là giải thích công đức của địa thứ tám. Sau đó địa thứ tám được gọi là địa không lui sụt, là để miễn trừ ba lui sụt. Còn ở địa thứ chín thì giải thích của công đức của địa thứ chín. Được thắng tiến Đà-la-ni là trên sự nhiếp thụ đều được Đà-la-ni. Đây đủ bốn trí vô ngại nhiếp thụ được biện tài lạc thuyết ở trên. Là Bồ-tát địa thứ chín đầy đủ mười hat giống trí vô ngại. Trong địa thứ mười đã làm đơn giản hóa công đức của Địa thứ mười.

Không lui sụt bánh xe pháp: xuất xứ từ văn kinh thuộc về bánh xe lui sụt để được cùng nhiếp thụ nghĩa công đức, là nhiếp thụ trên thiện, nhập vào Phật tuệ rồi đưa xuống văn kinh, đã nói khéo nhập Phật tuệ, là đồng tuệ gọi là đồng nhiếp công đức với Phật. Lại dựa vào nhân nghĩa năm trong Nhân Vương kinh. Thứ năm là tịch diệt nhãn Phật và Bồ-tát cùng có nhãn này. Dưới nhãn là Bồ-tát, trên nhãn là Phật, nên nói là cùng nhiếp thọ công đức. Sơ vị nhiếp thụ khen ngợi công đức của Bồ-tát. Từ sơ Tam-bồ-đề không lui sụt là khen ngợi công đức của địa thứ tám, đều được Đà-la-ni, lại thuyết biện tài khen ngợi công đức thứ chín, tứ xoay bánh xe pháp không lui sụt cuối cùng sẽ độ được trăm ngàn chúng sinh, khen ngợi công đức địa thứ mười.

Nhiếp công đức thành tựu thứ ba, chúng thành tựu có bốn môn. Một là số, hai là hành đã xong, ngày nay giải thích là Nhiếp công đức thứ ba, ở đây muốn hiểu từng tận luận văn này thì phải thông hiểu sự giải thích công đức của hai chúng, Đại, Tiểu, hai môn trước đặc biệt giải thích công đức hai chúng. Nay giải thích hai môn sau, nói chung về công đức của hai chúng Đại, Tiểu. Y theo văn có hai, đầu tiên là nêu chương.

Nhiếp công đức thành tựu, thứ ba nói lên dựa vào đâu để giải thích chương môn, y theo văn có hai, đầu tiên xếp vào môn năm chương, là hỏi.

Nói lên y theo nơi nào, căn cứ vào tâm nào, y theo trí nào, căn cứ vào cảnh giới nào để phân biệt. Từ chỗ dựa vào chỗ nào để giải thích môn ngũ chương, là đáp.

Y theo nơi nào? Y theo thiện tri thức.

Dựa vào tâm nào? Ta dựa vào tâm độ chúng sinh giáo hóa rốt ráo làm lợi ích tất cả chúng sinh.

Dựa vào trí nào? Dựa vào ba thứ trí, một là thọ ký mật trí, hai là chư thông trí, ba là chân thật trí.

Dựa vào cảnh giới nào? Dựa vào chỗ nào để giải thích được là ba thứ trí có khả năng thích ứng để biết được. Tất cả công đức của Hai thừa Bồ-tát có đều phải dựa vào thiện tri thức mà. Đầu tiên phải hiểu rằng dựa vào thiện tri thức. Dựa vào tâm, câu đầu tiên phải hiểu rõ, ở trên phải có chỗ dựa. Câu này nói v.v...trở xuống có lợi cho Bồ-tát như thế.

Hai thừa cũng được phân chia, nêu trước giải thích La-hán. Trong môn chung riêng chép: nên giáo hóa đại chúng tất cả mọi sự mọi việc nên gọi là Ứng. Cho đến câu thứ mười lăm nói nên biết như thật đồng sanh với chúng sinh được các công đức, vì lợi ích cho tất cả các chúng sinh. Nên biết Hai thừa cũng có tâm dưới tế. Dựa vào trí nào để giải thích đệ môn trí chương thứ ba. Thọ ký là việc sâu kín ở vị lai, nên nói thọ ký là mật trí. Việc thông trí là nắm thần thông đều lấy trí tuệ làm thể. Ba thứ trí chân thật nói về trí vô lậu và trí chiếu không.

Dựa vào cảnh giới nào để thực hành, dựa vào năng lực nào để biện luận? Hợp cái thứ tư và thứ năm đó lại, là ba thứ trí có thể nhiếp thọ để biết. Hợp lại để giải thích thứ tư, thứ năm! Nói rằng trí có công năng chiếu cảnh là giải thích nghĩa cảnh giới. Dựa vào ba trí để chiếu cảnh sanh ba trí nên gọi là năng biện.

Hỏi: Luận chủ dựa vào văn nào để nói về năm môn này?

Đáp: Lại dựa vào sự khen ngợi đức của Bồ-tát, trong đó sinh khởi năm môn này. Vòng thứ hai ở trước nhiếp thụ sự môn, khen ngợi ba địa thứ tám, thứ chín, thứ mười. Địa thứ mười chỉ giải thích xoay bánh xe pháp, không lui sụt. Từ việc cúng dường vô lượng trăm ngàn Chư Phật đến việc có thể độ vô lượng trăm ngàn chúng sinh. Văn chưa được giải thích, nay muốn giải thích văn kinh này phải chia thành năm môn, bắt đầu từ việc dựa vào thiện tri thức, là cúng dường vô lượng trăm ngàn ức Chư Phật. Dựa vào tâm nào? Là đại từ bi tu thân tâm bằng. Dựa vào trí nào? Là khéo nhập vào Phật tuệ để thông đạt đại trí. Dựa vào cảnh giới nào để tới bờ bên kia? Dựa vào năng lực biện luận nào để độ được vô lượng trăm ngàn chúng sinh.

Hỏi: Nếu dựa vào việc khen ngợi công đức Bồ-tát, thì khởi lên năm môn này làm sao giải thích Hai thừa?

Đáp: Hai thừa cũng có nghĩa nhờ cây bèo trên cứu giúp kẻ dưới,

nên được thông minh.

Bốn uy nghi đúng pháp trụ thành tựu, giải thích thứ tư, trước tiên hết là nêu chương.

Bốn uy nghi đúng pháp trụ thành tựu, có bốn thứ sau: giải thích chương lại có hai. Bây giờ giải thích trước, có bốn thứ nói lên, bốn thứ ấy là: Một là chúng vi nhiễu, hai là tiền hậu, ba là cúng dường cung kính, bốn là tôn trọng khen ngợi, kể là trình bày kinh xứ, Như kinh chép: bây giờ. Đức Thế Tôn, bốn chúng vây quanh cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi. Những điều này cũng có ở cả hai thừa Đại Tiểu.

Hỏi: Kinh nói là bốn chúng vây quanh thế nhưng nghe nói có hai chúng xuất gia, hai chúng tại gia vì sao có cả Bồ-tát?

Đáp: Bồ-tát cũng có tại gia xuất gia, Luận Trí Độ chép: Bồ-tát phải tùy trong bốn chúng. Bốn chúng chưa hẳn đã tùy trong Bồ-tát. Khi Như lai muốn nói pháp đã đến thì sẽ thành tựu. Giải thích lúc muốn nói thứ ba trong bảy phần.

Hỏi: Nay chính là nói kinh Vô Lượng Nghĩa vì sao nói là sắp nói thì thành tựu?

Đáp: Về sau nói Pháp Hoa nên là sắp. Muốn nói Pháp Hoa nên trước nói kinh vô Lượng Nghĩa, nên vô Lượng Nghĩa là thứ lớp của Pháp Hoa. Văn chia làm hai, trước là nêu tên chương.

Khi Như lai sắp nói pháp đã đến thì thành tựu, vì các Bồ-tát v.v... trở xuống là giải thích tên chương, văn chia làm ba môn: Một là thị thích kinh xứ; Hai là chính giải thích; Ba là nói ý giải thích.

Cho các Bồ-tát nghe nói kinh Đại thừa, ban đầu như văn. Ở đây Đại thừa Tu-đa-la trở xuống là giải thích thứ hai, y theo văn có hai. Ban đầu nêu chung có mười bảy tên khuyến biết.

Đại thừa này Tu-đa-la v.v...trở xuống có mười bảy tên nói lên công đức sâu xa xa , nên phải biết. Mười bảy tên là v.v...trở xuống là giải thích thứ hai.

Hỏi: Vì sao luận lại giải thích kinh này có mười bảy tên?

Đáp: vì lược nói năm nghĩa.

- Một là Thiên Thân soạn luận thường phân biệt nói chung để giải thích kinh. Con số mười bảy này là tổng mục của một kinh. Ngoài con số mười bảy ra là sự phân biệt của một kinh.

- Hai là muốn nói lên mười bảy tên có mười bảy công đức. Khuyến tất cả chúng sinh thọ trì cúng dường để sinh tâm cực tôn quý.

- Ba là muốn định ra sự cạn sâu của đạo, giúp cho các dòng nhánh đọc tụng bỏ tà theo chính, có người cho Pháp Hoa là vô thường giáo

lý.

Thứ hai cho là che lấp tướng nói thường, còn thứ ba thì chấp định tánh thường trú. Giờ dùng mười bảy tên để phá hết ba thuyết rằng. Nên v.v... trở xuống là mười hai tên tất cả Chư Phật kiên cố xá-lợi của, nghĩa là của Như lai chân như pháp thân ở đây Tu-đa-la không hoại, đã nói chân như pháp thân, nên biết phi vô thường, phi phục tướng. Thể của chân như là quên lời dứt nghĩa, cũng là thường định tính chẳng phải.

- Bốn là khi sắp giải thích đề của một kinh. Đề nói là Diệu Pháp Liên Hoa, Diệu pháp là nói pháp thân Tịnh Diệu của Như lai.

- Năm là từ trước người giảng nói rằng Vô Lượng Nghĩa khác với Diệu Pháp Liên Hoa. Nay giải thích theo nghĩa khác nên đặt tên khác, hoặc tên là Vô Lượng Nghĩa, hoặc tên là Diệu Pháp Liên Hoa, dùng để giải thích mười bảy tên, tức thành mười bảy.

Mười bảy tên là gì? Làm thế nào để hiển bày một tên Vô Lượng Nghĩa Kinh thành tựu nghĩa chữ, nên dùng pháp môn phương tiện này để nói về cảnh giới pháp mầu sâu xa xa đó, do đó cảnh giới pháp diệu sâu xa xa đó chính là cảnh giới cao siêu của Chư Phật, Như lai. Nhất vô Lượng Nghĩa là nêu tên kinh. Thành tựu nghĩa chữ là: giải thích tên Vô Lượng Nghĩa. Tự ở đây chính là giáo! Nghĩa để nói làm cho lý sáng, lý giáo vô lượng. Điều này cũng tương ứng với kinh Vô Lượng Nghĩa. Kinh Vô Lượng Nghĩa nói chúng sinh căn tánh có vô lượng nên giáo vô lượng. Giáo vô lượng nên nghĩa vô lượng. Vì vậy nên nay nói thành tựu tự tự nghĩa. Dùng pháp môn này nói phương tiện, nói cảnh giới pháp mầu sâu xa sắc đó. Giải thích nghĩa của các chữ trên cùng là để nói phương tiện thuyết sâu xa xa Hai thuyết ở đây giải thích các chữ trên nói phương tiện sâu xa, giải thích chữ ở trên nên gọi là nghĩa chữ. Cảnh giới sâu xa xa mầu đó chính là cảnh mầu của Chư Phật, Như lai. Điều này tương ứng với kinh Vô Lượng Nghĩa, kinh đó nói vô lượng từ một pháp sinh ra. Một pháp đó nói là Vô tướng, như thế vô tướng, vô tướng bất tướng gọi là Thật tướng. Nên biết chỉ có Phật và Phật mới rốt ráo, cùng tận thật tướng các pháp gọi là cảnh giới sâu xa.

Hỏi: Nói sâu xa là cảnh giới mầu của Phật, nói phương tiện vì sao lại gọi là nghĩa phương tiện?

Đáp: Kinh Vô Lượng Nghĩa một. là nói năm thừa. Trong đó trời, người và Hai thừa đều gọi là phương tiện. Thuyết Đại thừa gọi là sâu xa lại là lý thật không có năm. Nói về năm thừa đều là phương tiện, lại rằng buộc lý giáo sáng nói thật phương tiện. Giáo có công năng giải thích lý, nên dùng giáo làm phương tiện để lý nghĩa. Chính vì thế luận

văn chỉ giải thích sâu xa mà không giải thích phương tiện. Nên biết rằng phương tiện được nói lên ra ở lý. Nếu nhận thức được lý đã nói lên là nhận thức được sự dạy dỗ đã nói lên, nên không giải thích phương tiện.

Hai gọi là: Tối thắng Tu-đa-la là tạng mẫu cao siêu trong Ba Tạng, pháp môn này đã khéo thành tựu. Hai danh tối thắng Tu-đa-la, nếu đối với Ba Tạng Tiểu thừa thì kinh này thuộc về Tạng Bồ-tát. Hai thứ đó ở trong Đại thừa, tự có Ba Tạng như nhiếp lấy Đại thừa thuyết, còn Pháp Hoa là Tu-đa-la hơn hai tạng còn lại.

Ba là: Đại Phương Quảng là vô lượng Đại thừa pháp môn thuận theo căn cơ chúng sinh mà trú trì thành tựu. Ba gọi là Đại Phương Quảng, Phương Quảng là tên chung của Đại thừa, là giải thích kinh này là kinh Đại thừa mà các Bồ-tát nói. Lại có nghĩa là văn Đại thừa đều rộng, nên mới gọi là Đại Phương Quảng. Người giải thích luận văn này lấy giáo quảng làm quảng, nên mới nói là vô lượng Đại thừa môn. Môn ở đây là giáo, thuận theo chúng sinh căn cơ trú trì thành tựu là giải thích Đại thừa môn vô lượng. Lấy Đại thừa chúng sinh căn cơ vô lượng để giáo năng hiển lý thuận cơ nên gọi là Trụ trì.

Bốn là: Giáo Bồ-tát pháp cho rằng giáo hóa căn cơ chín muồi, Bồ-tát thuận theo pháp khí khéo thành tựu. Bốn là pháp giáo hóa Bồ-tát. Đến thời Pháp Hoa hồi Tiểu nhập Đại, rồi tiến thẳng tới căn cơ Bồ-tát đều đã chín muồi. Nên sau đó nói khi Như lai Niết-bàn cho tối chúng lại thanh tịnh.

Năm gọi là: Phật sở hộ niệm v.v... dựa vào Phật Như lai mới có pháp này. Năm là Phật sở hộ niệm, trở xuống kinh nói Phật tự trụ Đại thừa, nên Phật thường hộ niệm pháp này, nay trao cho chúng sinh thuyết Đại thừa. Chúng sinh cũng được trú Đại thừa là chúng sinh cũng được Phật mà che chở. Lại như Nhiếp Luận nói mười hai bộ kinh từ pháp thân mà ra, là văn kinh dựa vào Phật, Như lai nên mới có pháp này.

Sáu là: tất cả Chư Phật pháp bí mật của pháp này sâu xa xa, có chỉ Phật, Như lai mới biết. Sáu gọi là chư Phật pháp mật của tất cả cũng như văn dưới nói chỉ có Phật mới biết được, không nên truyền trao bữa bãi, gọi là bí mật.

Bảy là: tất cả Chư Phật tạng của, là Tạng công đức Tam-muội của Như lai ở trong kinh này. Bảy gọi là Nhất thiết Chư Phật tạng, như phẩm Thần lực chép: tất cả các pháp, tất cả thần lực tự tại của Như lai, cho đến tất cả những việc đều thuộc về kinh này.

Tám là: Nhất thiết Chư Phật bí mật xứ. Các chúng sinh có căn

cơ chưa chín muối không nhận được pháp khí thì không truyền cho họ được. Tám gọi là nhất thiết Chư Phật bí mật xứ, như năm ngàn vị đệ tử đứng dậy bỏ đi, không được nghe. Cũng như hơn bốn mươi năm chưa được giảng nói.

Chín là: Năng Sinh Nhất Thiết Chư Phật kinh, là nghe pháp môn này sẽ được thành Phật Đại Bồ-đề. Chín gọi là Năng Sinh Nhất Thiết Chư Phật, như phẩm Pháp Sư chép: nghe một câu của kinh này đều sẽ được thọ ký thành Phật.

Mười: Nhất thiết Chư Phật đạo tràng, nghe pháp môn này sẽ thành Chư Phật A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, chẳng phải Tu-đa-la khác. Mười gọi là Nhất Thiết Chư Phật đạo tràng. Đạo Tam-bồ-đề khởi ra từ kinh này nên gọi là tràng. Phẩm Thần Lực chép: nên biết nơi này là đạo tràng, ở đó đã từng đốt kinh, đâu không phải thế hay sao?

Mười một là: Nhất thiết Chư Phật xoay bánh xe pháp là dùng pháp môn này phá hủy được tất cả mọi chướng ngại. Mười một gọi là Nhất thiết Chư Phật xoay bánh xe pháp mầu. Phẩm Dục Vương nói có công năng phá bỏ được các thứ mờ tối bất thiện. Cũng như v.v...trở xuống là luận dứt ba nghĩa quyết định, v.v... dứt trừ bốn trong năm thứ kinh hoàng sợ hãi, cho đến phá được mười thứ bệnh của con người.

Mười hai là: Nhất thiết Chư Phật kiên cố xá-lợi kinh, là nói pháp thân Như lai chân như của, ở đây Tu-đa-la bất bại hủy. Tên thứ mười hai như giải thích ở trước. Ở đây đã dùng nhiều tháp Phật báu có ý nói là pháp thân không bị hủy hoại, cũng như trong phẩm Thọ vương ý nói ba thân Như lai, và' trong dùng phẩm Pháp Sư nên biết đây có văn của toàn thân Như lai.

Mười ba là: Nhất thiết Chư Phật đại xảo phương tiện kinh. Dựa vào pháp môn này thành đại Bồ-đề đã vì chúng sinh nói thành các thiện pháp. Trời, các Thanh Văn, Bích-chi-phật. Mười ba gọi là Đại xảo phương tiện, văn cho rằng nhất Phật thừa là chân thật. Được nhất Phật thừa rất ráo vì nhất Phật thừa mà nói, Hai thừa và trời, người gọi là phương tiện.

Mười bốn là: Thuyết Nhất Thừa kinh là dùng pháp môn này để nói lên Như Lai A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề có thể cuối cùng là đạo Hai thừa kia chẳng phải rất ráo. Tên thứ mười bốn là Nhất Thừa kinh. Trong đây chính là dùng quả Vô thượng Bồ-đề làm thể của Nhất thừa. Trong phẩm Phương tiện dùng chân như pháp thân làm thể của Nhất thừa. Hai thứ này không trái nhau, nói theo nghĩa ẩn thì dùng chân như pháp thân làm thể. Nói rõ ràng là quả pháp Vô thượng Bồ-đề làm

thể.

Mười lăm là: Đệ nhất nghĩa trú – pháp môn này là nơi trú ngụ cuối cùng của pháp thân Như lai. Mười lăm tên là Đệ nhất nghĩa trú. Đệ nhất nghĩa là pháp thân, kinh này có công năng hiện ra pháp thân, là nơi trú ngụ của pháp thân.

Mười sáu là Diệu Pháp Liên Hoa, có hai nghĩa, hai nghĩa ấy là Một nghĩa ra khỏi nước: vì không thể ra khỏi bùn như Tiểu thừa, nên lại có nghĩa như hoa sen ra khỏi nước bùn, dụ như các Thanh Văn được vào ngôi trong đại chúng của Như lai, như các vị Bồ-tát ngồi trên đài hoa sen nghe nói cảnh giới thanh tịnh vô thượng của Như Lai, chứng được Như Lai tạng thâm mật của. Hai là nghĩa hoa mở, lấy các chúng sinh ở trong Đại thừa có tâm hôn khiếp sợ không thể sinh tín, nên phải khai mở. Chỉ có pháp thân mẫu nhiệm của Chư Phật, Như lai mới sinh ra tín tâm được. Tên thứ mười sáu là Diệu Pháp Liên Hoa, là giải thích đề kinh. Luận chủ y theo nghĩa thứ hai để giải thích điều một là nghĩa ra khỏi nước, điều hai là nghĩa hoa nở, từ việc ra khỏi nước mở rộng thành hai: một là nghĩa ra khỏi nước, ở đây nêu nghĩa ra khỏi nước, dùng pháp Hai thừa, nước như không bao giờ tận dụng hết được để giải thích việc ra khỏi nước. Kinh này nói về cách ra khỏi nước bùn như của Tiểu thừa. Nên nói ra khỏi nước bùn như của Tiểu thừa

Hỏi: Chỉ nên nói ra khỏi nước bùn như rồi Hai thừa, vì sao lại nói không thể hết được?

Đáp: Một là không thể hết được, không thể hết được chính là thật tướng pháp thân. Nay nói thật tướng pháp thân, nên được ra khỏi nước bùn như của Hai thừa. Dùng thật tướng pháp thân tuy ở trong nước bùn như Hai thừa nhưng không thể khiến nó diệt hết được, chính là chân như có cận ra khỏi thành chân như vô cấu; Hai là ba đời Phật giúp cho chúng sinh ra khỏi nước bùn như Hai thừa thành Phật, mà Phật thừa thì không thể hết được. Như ví phẩm thí dụ chếp: dùng vật này của ta chu cấp cho một nước còn không thiếu hưởng chi các đệ tử; Ba là hoa sen tuy ra khỏi nước bùn như nhưng lại không bỏ nước bùn, ở đây cũng vậy. Tuy giúp cho chúng sinh lìa khỏi Hai thừa thành Phật, thường làm Hai thừa phương tiện để giáo hóa chúng sinh, cũng như phẩm Dược Thảo Dụ có nói. Lý tuy không hai, tùy duyên nói hai, mà duyên đã có hai thì nghĩa cùng sẽ có nghĩa thứ hai. Mượn việc hoa ra khỏi nước để dụ cho người Hai thừa hồi Tiểu nhập Đại được ngôi trong đại chúng Như lai, cũng như Bồ-tát được ngồi trên đài sen, được cùng Bồ-tát nghe Pháp Hoa thành Phật. Nghĩa trước có khác với nghĩa sau, có thể có hai ý. Đầu tiên là

giải thích pháp, nói theo kinh này thì pháp thân Phật ra khỏi nước bùn nhờ của Hai thừa, sau đó con người ra khỏi nước bùn nhờ của Hai thừa. Điều thứ hai đã ước hẹn trước đi thẳng tới chỗ Bồ-tát, sau đó mới hồi Tiểu nhập Đại. Điều thứ hai là nghĩa hoa nở. Điều ví dụ chính là hoa nở mà thật ra như Nhất thừa giáo nở hiện ra Nhất thừa lý. Nở hiện ra pháp thân mẫu nhiệm của Như lai giúp cho tất cả các chúng sinh được sinh tâm tịnh tín. Pháp thân sạch mẫu chính là đề kinh Diệu Pháp.

Mười bảy là tối thắng pháp môn là được thành tựu. Thành tựu đạt là nhiếp thụ được vô lượng danh cú tự thân Tần-bà-la, A-súc -bà-đăng Thủ-lư-ca (cũng gọi là kệ). Mười bảy tâm là pháp môn ở trên đã nói về Phật thừa. Phật thừa đầy đủ muôn đức nên nói chúng đức vô lượng. Nay nói về đức, đức đã vô lượng thì văn cũng vô lượng. Nên văn dưới chép nói: là kinh Pháp Hoa này như Hằng sa kệ. Cũng như phẩm Dược Vương chép: tám trăm ngàn muôn ức na-do-tha Tần-bà-la đấng kệ. Phẩm Dược Vương gọi là Kệ, nay nói Thủ-lư-ca, cũng có thể dùng kệ để dịch Thủ-lư-ca. Cũng có thể dùng tên khác. Ở đây đều như sự giải thích của Pháp Hoa sơ. Ở nước ngoài còn gọi là thủ lư hoặc gọi là Thủ-lư-ca. Đó chỉ là các âm khác nhau mà thôi.

Hỏi: Vì sao lại nói là Thủ-lư kệ?

Đáp: Thủ-lư là kệ thông thường, nhiều pháp ở nước ngoài như là văn xuôi, như kệ đều gọi là Thủ-lư. Nên chẳng dùng kệ khác, mười bảy câu pháp môn này là câu dư, chung là đặc biệt, cách giải thích thứ ba này đều là mười bảy thứ danh ý.

Mười bảy câu pháp môn này là câu dư chung, là đặc biệt, nên như kinh đã nói các Bồ-tát là kinh Đại thừa, tên Vô Lượng, Nghĩa cũng như vậy. Luận chủ dùng mười bảy tên này. Giải thích chung tên một bộ kinh. Nếu giải mười bảy tên này thì sẽ biết hết ý của kinh Pháp Hoa. Bao gồm tất cả là tâm từ bi, có ý nghĩa người nghe ít mà ngộ được ý nhiều. Sở y thuyết pháp thuận theo uy nghi trú thành tựu, giải thích phần thứ tư, trước nhắc lại tên chương, kể đó giải thích.

Sở y nói pháp thuận theo uy nghi trú thành tựu, trong môn nhắc lại Diệu chương, nói thuận theo uy nghi trú là thuận theo uy nghi quá khứ Phật, như quá khứ khi nói Pháp Hoa nhập định, động đất hoa. Tuôn rãi như mưa nay cũng như vậy. Thứ hai là thuận theo uy nghi hiện tại của chúng sinh. Văn sau nói làm cho thuận theo chúng sinh nói lên sự đối trị. Nhiếp thụ giác Bồ-đề phân pháp, nói lên dựa theo pháp nào để có sự giải thích về chương môn, y theo văn thì có hai: trước hỏi, sau đáp. Nói lên pháp nào để nói pháp? Là hỏi.

Nói lên dựa vào pháp nào để nói pháp. Ý hỏi rằng: Phật dựa vào pháp nào để nói kinh Pháp Hoa này? Dựa vào ba pháp ở sau, đó là Đáp. Đầu tiên nêu chung, dựa vào ba pháp, một là dựa vào Tam-muội thành tựu, đặc biệt giải thích dựa vào ba pháp.

Dựa vào ba pháp, y theo giải thích có hai, đầu tiên là giải thích riêng y Tam-muội. Sau đó là giải thích chung là mặt đất rung chuyển hoa tuôn nở như mưa. Y theo giải thích y Tam-muội còn mở ra hai điều khác. Đầu tiên là giải thích, sau đó nêu chỗ giải thích. Trong chính thích đầu tiên là nêu Tam-muội là chỗ nương.

Một là nương Tam-muội thành tựu, dùng Tam-muội để thành tựu, có ba thứ nói lên. Giải thích y theo Tam-muội dùng Tam-muội thành tựu hai pháp nói lên giải thích lý do nương vào tam muội, vì tam muội thành tựu hai thứ pháp, thị hiệp hai là: ? Một là thuận theo chúng sinh bất kiến đối trị nhiếp thụ giác Bồ-đề phân pháp, hai là đối trị kiên chấp phiền não. Từ vô lượng đời đến nay, Nên có câu hỏi rằng: Nay nói kinh Pháp Hoa tại sao không nhập vào Tam-muội Pháp Hoa mà lại nhập vào Tam-muội vô Lượng Nghĩa Xứ? Điều này được giải thích rằng: Tam-muội vô Lượng Nghĩa có hai thứ lực nên phải dựa vào đó. Một là thành tựu năng lực tự tại thân tâm bất động, giải thích năng lực tự tại thân tâm bất động, nên vắng lặng cùng cực, vì vắng lặng cùng cực nên thấy rõ; Hai là xa lìa các chướng ngại. Theo luận ở dưới giải thích Phật nhập Tam-muội, không người nào có thể cảnh ngộ được, là xa lìa các chướng ngại. Phật lại nhập vào chỗ này định nói Pháp Hoa, không có duyên bên ngoài làm chướng ngại, giúp cho không được nói. Lại không có duyên ngoài làm chướng ngại, giúp cho chúng sinh không được nghe nói.

Hỏi: Lấy gì để biết có năng lực này?

Đáp: Văn nói xa lìa các chướng ngại. Đã nói các ở đây là không có chướng ngại nào không xa lìa.

Tùy năng lực tự tại được giải thích là xa lìa các tâm tướng, Phật thuận theo năng lực tự tại của Tam-muội nên các chướng ngại không thể gây trở ngại được. Năng lực tự tại này lại có hai thứ v.v...trở xuống lại giải thích lại Tam-muội có hai năng lực:

Một là thuận theo chúng sinh nói lên đối trị, nói rằng tùy Hai thừa chúng sinh trong hơn bốn mươi năm nói lên đối trị Hai thừa bệnh pháp. Lại như luận sau thuận theo mười thứ chúng sinh nói lên ra mười thứ đối trị. Nhiếp thụ giác Bồ-đề phân pháp. Điều này xuất ra pháp có công năng đối trị rồi nhập vào tam-muội, chính là dùng vô lượng Bồ-đề đối trị Hai thừa, người bị bệnh được gọi là nhiếp thụ. Còn các thứ

gọi là giác Bồ-đề phân pháp, nói những điều nên nói, biết được những chính biến Vô thượng, nay lược gọi là giác Bồ-đề. Giác chính là Bồ-đề. Bồ-đề lấy trí làm thể, còn nói chia ra chính là vì Vô thượng Bồ-đề mất đi ở Hai thừa không dùng tới pháp khác, nên gọi là phần. Lại như bày phân giác tám thánh đạo phần. Là Đạo phẩm của Đại thừa nay khen ngợi bảy giác đã tiêu diệt. Nên nói là giác Bồ-đề phân, Giác Bồ-đề còn chia ra Bồ-đề, giác biết phân. Việc phân chia đó gọi là nhân, nhân là Hai thừa Bồ-đề. Của Nhiếp thu Bồ-đề phân là Hai thừa Bồ-đề của nhập vào Bồ-đề phân.

Hai là đối trị chập chặt phiền não. Từ vô lượng đời đến nay trước đã nói về trị được (coi về thuốc) nay nói về thức bệnh (biết bệnh). Tóm lại thì vô Lượng Nghĩa định ra bốn năng lực của nó: một là bên trong, là thân tâm bất động, hai là bên ngoài không có chướng ngại thì nói là trong ngoài một đôi, ba là rành về thuốc, bốn là biết bệnh. Gọi thuốc và bệnh là một đôi, lấy việc có năng lực này để nhập vào vô Lượng Nghĩa thì chắc chắn không nhập vào Tam-muội Pháp Hoa. Phẩm này tương ứng với kinh vô Lượng Nghĩa, nên kinh vô Lượng Nghĩa chép: kinh vô Lượng Nghĩa văn lý chân chính, tôn quý không gì hơn. Chư Phật ba đời cùng che chở không có chúng ma. Các đạo được nhập vào cảnh không sinh tử, không hủy hoại. Kinh vô Lượng Nghĩa đã như vậy, định vô Lượng Nghĩa cũng vậy. Như kinh v.v...trở xuống thứ hai là giải thích kinh xứ.

Như kinh do Phật nói kinh này Phật ngồi kết già, nhập vào Tam-muội vô Lượng Nghĩa xứ. Cả hai thứ ấy nương khi, thế gian.v.v...trở xuống Lấy việc trước đây Phật đã nói Pháp Hoa, đất rung chuyển sáu cách. Nay cũng như vậy, nên nương vào động đất là nói Đại pháp phá đại bộ, nên được lợi ích lớn, giúp cho chúng sinh vui mừng. Và nên biết các việc trong vô lượng kiếp ở quá khứ, giải thích dựa vào chúng sinh ở thế gian. Quá khứ vô lượng kiếp Phật nói Pháp Hoa, khi đó trời rải bốn thứ hoa như mưa, đại chúng vui mừng.

Hỏi: Đại chúng vui mừng thế nhưng chúng sinh ở thế gian, trời rải bốn thứ hoa như mưa, sao nói là chúng sinh ở thế gian?

Đáp: Trời là số chúng sinh, như kinh v.v...trở xuống là hai thứ nêu kinh, chỗ giải thích.

Như kinh chép: lúc ấy trời rải hoa Mạn Đà-la, như mưa cho đến vui mừng, chấp tay nhất tâm nhìn Phật. Những kinh này chính là chứng minh chúng sinh thế gian. Ở trước nói rung chuyển thế giới, đã chứng minh khí thế giới. Rồi Y chỉ nói nhân thành tựu. Đây là phần thứ năm

y theo văn có hai, đầu tiên là nhắc lại tên chương.

Y chỉ nói nhân thành tựu. Các đại chúng kia v.v...trở xuống là đã được giải thích tên chương. Y theo văn có ba, một là giải thích, hai là dẫn kinh chỗ giải thích, ba là phân biệt. Y theo giải thích ở đầu lại có ba trước: giải thích ý phát ra ánh sáng. Kế là giải thích ý phát ra ánh sáng, ba là trong ánh sáng sự việc hiện ra. Giải thích đầu tiên là tên chương, là giải thích phát ra ánh sáng. Các đại chúng kia hiện thấy dị tướng không thể suy nghĩ tới việc Như lai nay vì ta nói khát ngưỡng muốn nghe, sinh tâm ít có y chỉ thuyết nhân thành tựu. Như lai phát ra ánh sáng rực rỡ nói lên các việc trong thế giới.

Ngôn y chỉ thuyết nhân, chính là tâm bên trong của chúng sinh, nói nội tâm là khát vọng kính mến muốn nghe Pháp Hoa. Tuy nói nhập định, hoa rơi động đất, nếu không có tâm khát vọng kính mến muốn được nghe ở bên trong, thì Phật cũng không thể nói Pháp Hoa được. Lại như nhập định động địa mưa hoa ở trên là duyên bên ngoài, nay tâm khát vọng kính mến muốn được nghe thì lại là nhân bên trong. Nhân duyên đầy đủ mới được nói giáo.

Hỏi: ở Trên mưa hoa động đất đã khiến chúng vui mừng, là nhân đã xong nay nói vì sao lại nói về nhân?

Đáp: Trên tuy sinh vui mừng nhưng chưa biết muốn nói Đại pháp. Nay thấy Phật phát ra ánh sáng hiện lên các việc của cõi Phật ở phương Đông, còn phải biết ứng với Đại pháp Ngài nói vì ta. Điều đó chính là khát khao, kính mến muốn được nghe danh làm nhân nghĩa thành tựu.

Trước hiệu việc bên ngoài là giải thích thứ hai, phát ra ánh sáng chính là phân biệt hai điểm trước sau khác nhau.

Trước là nói lên sáu việc bên ngoài vì đại chúng, rung chuyển sáu cách, thứ lớp nói lên ra bên trong, pháp môn đã chứng được là pháp sâu xa mầu nhiệm, mưa hoa động đất đều là nhiều việc bên ngoài, Phật đích thân tự phát ra ánh sáng trí tuệ sáng láng huy hoàng, nên ánh sáng trên mình lấp lánh. Đó gọi là việc bên trong.

Nội chứng pháp sâu xa mầu nhiệm, dựa vào sự giải thích của phẩm Phương Tiện là Vô thượng Bồ-đề, giờ nói về Phật đã chứng Vô thượng Bồ-đề, cũng giúp cho chúng sinh được trụ trong pháp này tự hiểu mình sẽ thành Phật. Lại dựa vào khí thế gian v.v... trở xuống là chánh giải thích thứ ba ra việc trong ánh sáng.

Lại nương khí thế gian, chúng sinh thế gian. Các thứ vô lượng, các thứ đầy đủ, phiền não khác nhau, đầy đủ thanh tịnh khác nhau, Phật pháp đệ tử khác nhau, đã nói lên ra Tam bảo, nên lại nương khác nhau

mà có thể giới có Phật, có thể giới nương Phật, giúp cho chúng sinh thấy người tu hành, người chưa được quả đặc đạo là được quả, trong đó mười việc lược nói. Khí thể gian thì một muôn tám ngàn cõi Phật ở phương Đông. Chúng sinh thế gian một muôn tám ngàn cõi chúng sinh trong các thứ số giải thích rõ sự khác nhau các lượng thứ :là nói hình lượng khí thể giới khác nhau. Đây đủ phiền não khác nhau là:, giải thích chúng sinh sáu đường không giống nhau. Sáu đường không giống nhau đều do trên trung dưới phiền não khác nhau đây đủ thanh tịnh khác nhau là:, giải thích thanh tịnh thế giới sai biệt không giống nhau. Phật pháp đệ tử sai biệt nói lên Tam bảo, Phật phương Đông là một muôn tám ngàn cõi Phật trong pháp là pháp do một muôn tám ngàn cõi nói. Đệ tử là bốn chúng, cho đến Bồ-tát. Lại thừa khác nhau: Bốn quả là Tiểu thừa, Bồ-tát là Đại thừa.

Có thể giới có Phật, có thể giới không Phật: các thế giới phương Đông Phật hiện tại Phật là có ở. Lại thấy Chư Phật sau khi Niết-bàn dùng Xá-lợi Phật xây tháp bảy báu gọi là vô Phật. Giúp cho chúng sinh thấy: trên nói hiện mười việc. Đây là nói giúp cho chúng sinh thấy mười việc, là giải thích trong kinh ở thế giới này đều thấy hết người tu hành chưa được quả. Ở trên giải thích chưa hết nay phân biệt lại, hễ giải thích hai việc, đầu tiên là giải thích bốn chúng tu hành, người chưa được quả tu ba học hành chưa đắc bốn quả. Người đặc đạo đã được bốn quả, như kinh trở xuống là bày chỗ giải thích.

Như kinh chép: những người tu hành đặc đạo có cáo thứ số: Thứ hai giải thích số trước, nói lên các thứ.

Các thứ Số là nói lên các thứ quan, nên nói lược bốn thứ quan: một là thực trụ, hai là nghe pháp, ba là tu hành, bốn là lạc. Các thứ quan là giải thích các thứ số, Phật phát ra ánh sáng cũng có thể quán thấy các vị Bồ-tát ở phương Đông kia ăn và nghe pháp nói lên một muôn tám ngàn cõi chúng sinh trong, các thứ quan khác nhau nên gọi là số các thứ quan. Nói sơ lược về bốn thứ quan là giải thích các thứ quan: Một là thực cũng có thể thiền duyệt là thức ăn, cũng có thể là bốn thực; như nung thực v.v....Hai là nói ăn xong nghe pháp; Ba là nghe pháp xong tu hành; Bốn là tu hành được quả là vui. Như kinh v.v... trở xuống là thứ hai cũng chỉ bày chỗ giải thích. Bấy giờ Phật phát ra ánh sáng từ sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày, cho đến dùng Phật Xá-lợi xây tháp bảy báu.hiểugiải cho đến việc nói về hành đạo của Bồ-tát.

Hành đạo Bồ-tát là giáo hóa chúng sinh, dựa vào bốn thứ nhiếp lấy pháp phương tiện, nhiếp lấy nên biết tự nhiếp lấy như kinh đã nói.

Nói bốn nhiếp pháp nhiếp lấy, thuộc về bố thí, ngày nay bỏ ác để làm lành đã thuộc về quyến thuộc ái ngữ. Ngày nay phát tâm Bồ-đề thuộc về lợi hành, giúp cho gốc lành thêm lớn, đồng sự nhiếp lấy, khiến họ thành Phật như kinh đã nói, nên tự đẩy mạnh nhiếp lấy, giải thích trước trong tu hành đặc đạo là trình bày kinh xứ. Nay giải thích trong Bồ-tát, hành đạo Bồ-tát, không trình bày kinh xứ. Chỉ nói Như kinh chép: nên tự đẩy mạnh nhiếp thụ, sở dĩ như vậy tiền văn lược dẫn cho dễ, từ hậu văn trở đi là rộng dẫn nên khó, vì vậy kinh nói rằng các thứ nhân duyên, các thứ tin hiểu, các thứ tướng mạo đều hành đạo Bồ-tát. Mọi ý muốn đều tồn lược, nên nói ra lời này.

Dưới đây là nói lên đại chúng hiện tiền muốn nghe pháp thành tựu. Giải thích phần kinh thứ sáu, tựa văn chia làm hai, trước là nhắc lại tên chương.

Dưới đây là nói lên đại chúng hiện tiền muốn nghe pháp thành tựu.

Hỏi một người v.v...trở xuống là. Thứ hai giải thích đại chúng nghi ngờ có hai: một là đại chúng nghi về ý niệm, hai là Di-lặc thưa hỏi. Nay giải thích cả hai tánh này. Trong ý niệm nghi ngờ của đại chúng có hai: một là ý niệm nghi ngờ của Di-lặc, ở đây chỉ giải thích Di-lặc mà không giải thích đại chúng. Ý niệm nghi ngờ của Di-lặc có ba: một hỏi Phật vì sao hiện ra điềm lành, hai thưa hỏi người quyết nghi, ba được làm chủ trật thiên, là chỉ giải thích cái đầu và cuối. Hỏi một người là Văn-thù, nên được giải thích thứ ba, chủ trật thiên, ở đầu đã có giải thích này. Ở đây nói về đại tông, dùng ý văn để giải thích kinh. Di-lặc tuy có kinh ba chương mà ý lại hỏi ở Văn-thù. Nên giải thích ở trước, hỏi ý Văn-thù. Vì sao chỉ hỏi một người là Văn-thù, đây là câu hỏi.

Hỏi một người, ý hỏi rằng: Vì sao lại chỉ hỏi một mình Văn-thù mà không hỏi các vị khác. Nhiều người muốn nghe sinh tâm ít có, đây là đáp. Nhiều người muốn nghe sinh tâm ít có, đây là chỉ muốn hỏi Văn-thù-sư-lợi đã nói lên đệ tử Thế tôn thuận theo pháp không trái. Vì nhiều người muốn nghe câu trả lời của Văn-thù nên chỉ hỏi Văn-thù-sư-lợi.

Kết luận ý hỏi của Văn-thù. Hỏi: Đại chúng không biết Văn-thù có khả năng trả lời cho người, vì sao lại nói nhiều người muốn nghe câu trả lời của Văn-thù? Đáp: Di-lặc biết được cơ duyên của đại chúng thuộc về Văn-thù. Nếu nghe Văn-thù nói thì sẽ sinh tâm ít có. Điều đó nói lên đệ tử Thế tôn thuận theo pháp không trái. Đó là đã giải thích ý mà Văn-thù có thể trả lời. Thế nhưng Di-lặc vị cùng bổ xứ, đã không thể biết được ý hiện ra điều lành mà chỉ có Phật mới biết được mà thôi.

Phật nhập Tam-muội thì không được hỏi nữa. Tuy Văn-thù là Phật quá khứ, nhưng hiện nay đã nói lên làm đệ tử Thế Tôn. Nên kinh khác nói ngày xưa là Năng Nhân Sư, nay lại làm đệ tử hóa. Hai tôn không ra đời đều nói lên làm Bồ-tát. Thuận theo pháp mà không trái Điều này có hai nghĩa, một là quả thực là tiên sư mà nói lên làm đệ tử. Điều bao gồm là thuận theo pháp mà không đi ngược lại. Hai là Văn-thù có khả năng được pháp tướng, không trái với pháp tướng, nên có khả năng hỏi đáp.

Nay Phật, Thế tôn hiện thân biến tướng, là giải thích sự nghi ngờ của Di-lặc. Đầu tiên là hỏi về ý mà hiện thân biến. Đây là câu đầu tiên nhắc lại văn kinh. Nay Phật, Thế tôn hiện thân biến tướng. Như vậy có ý nghĩa gì là ? Giải thích ý niệm nghi ngờ của Di-lặc nói do nhân duyên gì mà có được sự tốt đẹp này. Kinh nói do nhân duyên gì? Do ý nghĩa nào? Nghĩa này là nhân duyên, để hiện nhân duyên về đại tướng. Luận chủ giải thích điều nghi ngờ của Di-lặc, chính là câu trả lời. Văn chia làm hai. Đầu tiên là nêu môn hiện đại tướng nhân hai chương, vì sao lại dùng hiện nghĩa làm hiện đại tướng nhân vì đại tướng có v.v...trở xuống:là, giải thích hai chương, đầu tiên giải thích là môn Đại Tướng chương.

Vì hiện đại tướng, vì nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa nên hiện ra điềm lành lớn, cùng bàn, cùng muốn nói Đại pháp. Nên nói là vì hiện ra điềm lành lớn. Vì thuyết Như lai nên được pháp mầu không thể suy nghĩ gì về câu văn là. Giải thích môn Nhân Chương thứ hai ở trên.

Có cho nghe văn tự chương cú pháp mầu không thể suy nghĩ bàn luận mà như lai chứng đắc. Dùng câu văn là giáo, giáo là lý, do đó gọi là nhân. Lại vì sắc nói kinh Pháp Hoa nên hiện ra điềm lành lớn, là kinh Pháp Hoa. Nên hiện ra điềm lành lớn, tức Pháp Hoa là nhân của điềm lành. Xét kỹ câu văn trước sau đều có ba nhân: Một là Pháp Hoa giáo làm nguyên nhân của lý; Hai là Pháp Hoa nhân của điềm lành; Ba là do thấy điềm lành nên biết nói Pháp Hoa. Nên điềm lành là nhân của Pháp Hoa.

Có hai thứ nghĩa, nên kính mến Văn-thù. Đây là giải thích thưa hỏi Văn-thù thứ ba. Văn có hai, đầu tiên giải thích ý hỏi Văn-thù, sau đó giải thích văn kinh hỏi với Văn-thù.

Vì Có hai nghĩa nên suy ra Văn-thù-sư-lợi. Hai thứ đó gồm: Một là hiện thấy các pháp, hai là xa lìa nhân duyên, chỉ có tự tâm thành tựu pháp đó. Hỏi ý Văn-thù? Một là Văn-thù là Phật rõ ràng hiện ra thấy các pháp. Hai lìa các nhân duyên. Vì lìa các nhân duyên dùng các thứ Văn-thù không thúc đẩy mà biết. Thành Luận chép: nhân duyên trong

các việc hiện lên thấy đều vô dụng, chỉ có tự tâm thành tựu pháp đó, giải thích nhân duyên xa lìa vì Văn-thù tự tâm thấy rõ việc đó, không nhờ nhân duyên khác. Nói lên các điềm lành, giải thích là thứ hai hỏi văn kinh với ngài Văn-thù.

Nói lên các điềm lành là nói lên các việc nên như tướng của việc ấy hiện ra chưa trú diệt, nên biết. Văn Đại Bản chép: Phải thấy điềm ít có này. Bấy giờ, hiện ra các điềm lành Điều này xuất phát từ quá khứ Văn-thù đã từng thấy các điềm lành của Chư Phật. Các việc đó, là các điềm lành của Chư Phật trong quá khứ là việc hữu vi như là các điềm lành kia hiện tại chưa trú diệt, nên biết. Các Phật trong quá khứ có ở hiện tại, không có ở hiện tại, còn sống hoặc đã tận diệt, không có ở hiện tại, còn sống hoặc đã tận diệt. Điều phải biết là nên làm cho đại chúng biết quá khứ đã có việc như thế nào. Nên phải biết, dùng những việc mà Văn-thù có thể ghi nhớ được. Đây là giải thích văn kinh nói từng gần gũi cúng dường vô số Chư Phật trong quá khứ. Lại nói Văn-thù có hai nghĩa: một là được Đà-la-ni có khả năng ghi nhớ được những việc đó, hai là những thành tựu nhân quả mà Văn-thù đã làm. Thành tựu có công năng nói lên thấy pháp đó, trước nêu hai thành tựu chương môn.

Vì Văn-thù-sư-lợi có khả năng ghi nhớ được những việc đó, nên dùng những thành tựu nhân quả mà Văn-thù-sư-lợi đã làm để thành tựu pháp đó mà nói lên thấy pháp ấy thành tựu đã làm là giải thích hai chương môn. Công đức thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thích các chương môn đã làm, những thành tựu đã làm, có hai thứ: một là công đức thành tựu, hai là trí tuệ thành tựu. Nhân thành tựu ở dưới, là giải thích nhân quả chương môn, trước giải thích nhân, sau giải thích quả.

Nhân thành tựu là tất cả trí, thành tựu lại là duyên nhân. Thành tựu là các tướng đầy đủ. Giải thích trong nhân có hai nhân, một là chính nhân, hai là duyên nhân. Chính nhân là nói về tất cả trí, vì có nhân nên trí Nhất thiết thấy tướng của các việc trong quá khứ. Lại duyên nhân thành tựu là nói về các tướng, là giải thích duyên nhân thứ hai. Nói các tướng là nói về động đất, hoa rải như mưa, phát ra ánh sáng gọi là các tướng. Vì thấy Phật ở đời quá khứ hiện ra các tướng, nên hiện ra Đại pháp. Nay thấy Đức Thích-ca hiện ra các tướng cùng nói là Đại pháp, nên các tướng là nhân của việc nói pháp. Quả tướng thành tựu là giải thích chương môn quả tướng thứ hai.

Quả thành tựu là nói về Đại pháp, Nhân là trí Nhất thiết và điềm lành nên biết muốn nói Đại pháp, là quả của các tướng. Các thứ cõi Phật trên đây đã giải thích Di-lặc niệm nghĩa của xong. Nay giải thích

Di-lặc thừa hỏi. Trong việc thừa hỏi của đại chúng có hai chương: Một là ý hỏi, hai là câu hỏi. Nay chỉ giải thích chính không giải thích ý hỏi. Trong câu hỏi có hai: một là văn xuôi, hai là kệ tụng. Nay giải thích cả hai. Giải thích trong văn xuôi có hai: một là giải thích, hai là nêu kinh, chỗ bày chỗ giải thích. Giải thích có hai: một là giải thích điềm lạnh hiện tại, hai là giải thích điềm lạnh thấy.

Các thứ cõi nước Phật nói lên, trong các cõi nước Phật đó có rất nhiều thứ khác nhau phải biết.

Các thứ cõi Phật là giải thích một muôn tám ngàn cõi Phật, nói lên ra trong cõi Phật kia có các thứ khác nhau, phải biết. Ở đây có hai ý: một là biểu thị một muôn tám ngàn cõi với các cõi khác nhau. Hai là nói lên trong một muôn tám ngàn cõi đó có mười việc khác nhau. Như ở trên đã giải thích, cõi nước mẫu nhiệm giải thích thấy điềm lạnh thứ hai.

Cõi nước mẫu nhiệm là nói tới chỗ ở của chúng sinh không có phiền não, là giải thích những câu văn trang nghiêm thấy ở cõi Phật đó trong kinh. Cả hai thứ đều chung một muôn tám ngàn cõi đã nói ở trên. Nay giải thích cõi tịnh, như kinh trở xuống là giải thích kinh thứ hai. Như kinh soi chiếu một muôn tám ngàn thế giới ở phương Đông, cho đến thấy tất cả thế giới Phật trang nghiêm ở đó.

Chiếu vào một muôn tám ngàn thế giới phương Đông, nói lên đoạn đầu chỗ giải thích kinh, cho đến đều thấy tất cả chỗ kinh thứ hai. Như lai đầu tiên giải thích kệ thứ hai, cũng mở ra hai thứ: đầu tiên giải thích kệ, hai là chỉ bày chỗ kinh.

Như lai là vị Thượng thủ, là các Bồ-tát v.v...đều theo Như lai mà ở, nên lấy chỗ ở của Như lai làm đất nước, đất nước của đại chúng được tự tại. Như lai là Thượng thủ là nhắc lại kinh lại thấy văn nói Chư Phật thánh chúa sư tử. Như lai đã là vị thánh đứng đầu các thánh nên gọi là Tượng thủ. Các Bồ-tát nương Như lai mà ở. Các Bồ-tát có lý là nương Như lai mà được ở, nên Phật là bậc trên thủ của Bồ-tát. Vì Như lai ấy v.v...trở xuống là giải thích lời nói của sư tử, làm cho Phật được tự tại ở trong đại chúng, nên nói là Sư tử.

Hỏi: Vì sao không giải thích văn đầu của kệ?

Đáp: Văn xuôi đã giải thích, nên không giải thích lại.

Hỏi: Vì sao chỉ giải thích hai câu là trên thủ, v.v...?

Đáp: Ở đây thuộc về hai v.v...trở xuống là nhất thiết kinh cùng tên, tôn Phật là trên thủ của tất cả Bồ-tát và Hai thừa chúng dựa vào Phật mà được trụ lý.

Lại vì Phật ở trong tất cả đại tiểu chúng tự tại có khả năng hóa giáo đại tiểu chúng trở xuống Nhật thiết kinh sau này không ngoài hai việc này. Nên chỉ giải thích hai. Như kinh trở xuống là thứ hai dẫn kinh giải thích xứ.

Như kinh chép: lại thấy cõi ấy hiện ra ở Chư Phật như thế v.v... dưới đây là giải thích phần hỏi đáp thứ bảy của Văn-thù. Văn chia thành hai: phần đầu nói Văn-thù có đức để đáp, phần sau đặc biệt giải thích những việc xảy ra mà kinh đã đáp.

Dưới đây là nói bậc Thánh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát đã được trí túc mệnh. Dĩ trí túc mệnh là đức có thể đáp lại được, hiện ra những việc có thể thấy rõ ở dưới. Y theo văn lại chia hai phần, phần đầu nêu ba môn, phần sau giải thích ba môn. Nói về ba môn, một là nhân tướng trong quá khứ, hai là quả tướng, ba thành tựu, mười việc.

Hiện thấy nhân tướng quả tướng trong quá khứ thành tựu mười việc như hiện tại, do đó đáp được Bồ-tát Di-lặc hiện thấy nhân tướng quá khứ về sau, là giải thích ba chương môn, nên ba chương khác nhau.

Hiện thấy nhân tướng quá khứ là Văn-thù-sư-lợi tự thấy bản thân mình từng tu hạnh sự trong các cõi Phật đó. Trước Diệu Quang chưa thể nói Pháp Hoa vì chúng sinh nên gọi là nhân tướng. Hiện thấy quả tướng là giải thích chương môn thứ hai.

Hiện thấy quả tướng quá khứ là Văn-thù-sư-lợi tự thấy bản thân đã là Bồ-tát Thế Diệu Quang ở quá khứ đã nghe được pháp môn này ở chỗ Phật đó, rồi nói cho chúng sinh nghe. Từ Diệu Quang nghe kinh Pháp Hoa rồi nói lại cho chúng sinh, điều nay gọi là quả tướng.

Hỏi: Nhân quả tướng này giải thích văn kinh ở chỗ nào?

Đáp: Từ đầu đã nói Di-lặc rồi là lời suy nghĩ Thành tựu mười việc là, giải thích chương môn thứ ba. Y theo văn có hai: đầu tiên là nêu thứ mười thứ thành tựu là chương môn nêu.

Thành tựu mười việc gồm:

Một là hiện thấy đại nghĩa nhân thành tựu.

Hai là hiện thấy văn tự chương cú ở thế gian ý nghĩa sâu xa xa ấy là nhân thành tựu.

Ba là hiện thấy nhân ít có thành tựu.

Bốn là hiện thấy nhân tốt đẹp thành tựu.

Năm là hiện thấy đại nhân thụ dụng thành tựu.

Sáu là hiện thấy nhiếp thụ tất cả Chư Phật, nhân xoay bánh xe pháp thành tựu.

Bảy là hiện thấy khéo kiên thật của Như lai nhân Pháp luân thành tựu.

Tám là hiện thấy có khả năng tiến nhập nhân thành tựu.

Chín là hiện thấy nhớ nghĩ nhân thành tựu.

Mười là hiện thấy nhân trải qua cửa mình thành tựu.

Từ đại nghĩa nhân thành tựu là giải thích thứ hai về mười chương môn, tức thành số mười. Nói đại nghĩa nhân thành tựu, là giải thích Đại pháp mà kinh muốn nói, nên gọi là Đại. Chữ Đại này sâu xa nên gọi là Nghĩa, còn chữ nhân là nhân duyên. Muốn nói về tám thứ nhân duyên có nghĩa sâu xa xa, nên hiện ra điềm lành này. Văn lại có hai: đầu tiên là nêu chương nhắc lại kinh.

Đại nghĩa nhân thành tựu là: giải thích thứ hai về chương kinh. Đầu tiên lại có ba đầu tiên là , nêu chương nói chung ám câu khuyên mọi người nên biết.

Tám câu nói lên nên biết, từ câu một là muốn nói về Đại pháp, đó là tám việc nhắc lại kinh thứ hai.

Một là muốn nói Đại pháp.

Hai là muốn mưa xuống đám mực Đại pháp.

Ba là muốn đánh trống Đại pháp.

Bốn là muốn dựng cờ Đại pháp.

Năm là muốn đốt đèn Đại pháp.

Sáu là muốn thổi loa Đại pháp.

Bảy là muốn không ngừng tiếng trống Đại pháp.

Tám là muốn nói Đại pháp.

Tám điều này đã được nói lên như vậy, là thứ ba luận chủ giải thích chung.

Tám câu này muốn nói lên điều muốn nói của Như lai, đó là Đại pháp. Vì sao gọi tám Đại nghĩa? V.v...trở xuống là Giải thích chương Giải kinh thứ hai. Kinh không có ba câu, luận thì có tám câu.

Những thứ nào được gọi là tám Đại nghĩa? người có nghi sẽ được hết nghi. Người đã hết nghi thì thêm lớn thuần phục trí thân. Căn thuần phục là nói về hai thứ cảnh giới sâu. Một là nói về Thanh Văn cảnh giới sâu kín của, hai là nói về Bồ-tát. Hai câu “trống Đại pháp” là nói nghe tiếng từ xa nên nhập vào cảnh giới sâu kín giúp cho tiến thủ được nghĩa trên trên thanh tịnh. Nên người được nghĩa trên trên thanh tịnh thì sẽ được các trí tuệ nói lên ra. Người tiến thủ được các thứ trí sẽ được nói lên ra các thứ pháp xây dựng được nghĩa của danh tự chương cú. Vì thế xây dựng được nghĩa của danh tự chương cú sẽ khiến được nhập

vào chứng trí xoay bánh xe pháp không thể nói. Nói rằng người có nghi sẽ dứt được nghi. Giải thích này muốn nói về Đại pháp thứ nhất là Vô Luận kinh sắc nói Đại pháp. Xưa nay không dựa vào luận để giải thích kinh. Thế nhưng ý của áng văn trước sau vẫn giải thích từ cạn tới sâu. Kể từ hơn bốn mươi năm điều nghi cũ và nghe Pháp Hoa sinh ra nghi mới, v.v... Sắc nói Đại pháp đã cắt đứt được hai mối nghi ngờ cũ mới này. Nên ở dưới kệ Văn-thù không nói những người cầu Ba thừa nếu có nghi hối, Phật sẽ dứt trừ hết không còn sót lại gì. Người đã hết nghi ngờ sẽ thêm lớn được trí thân. Giải thích điều hai: Rưới mưa Đại pháp (mưa) thế gian giúp cho muôn vật thêm lớn thành tựu. Mưa Pháp Nhất thừa giúp cho nhân Ba thừa đều nhập vào đại tuệ bình đẳng. Như trong thân tử linh giảng nói nghi hối cắt đứt hẳn sự yên lành trong thật trí. Người có căn cơ thuần thực là nói về hai thứ cảnh giới sâu kín. Giải thích điều thứ ba: Muốn đánh trống Đại pháp và điều thứ bảy trống Đại pháp không dứt, trên đã nói về người Ba thừa trí thân thuần thực. Nay lần lượt truyền trao nhân Ba thừa thành Phật, nêu tên để nhớ. Về sâu kín cảnh giới, luận Trí Độ chép: kinh Pháp Hoa khiến Hai thừa thành Phật tên là Pháp Bí Mật, Pháp Bí Mật sâu xa xa sa khó hiểu. Trong suốt hơn bốn mươi năm không hiểu được việc này, nên gọi là Mật. Hai câu trống Đại pháp nói lên điều gì? Một là đánh trống Đại pháp, hai là không dứt trống Đại pháp. Người nghe được từ xa là giải thích tên trống pháp. Còn việc đánh trống Đại pháp giúp cho người ở xa nghe thấy. Nay đem Đại pháp truyền trao cho người Ba thừa để ghi nhớ, giúp cho người mười phương ở xa cũng nghe thấy.

Hỏi: Vì sao nói trống pháp không dứt?

Đáp: Đó là Hai thừa độc thiện không còn chuyển hóa, nếu được thọ ký thành Phật thì sẽ chuyển hóa ngay và con cũng người thành Phật. Nên mới nói trống pháp không dứt. Người nhập vào cảnh giới sâu kín sẽ tiến thủ được nghĩa trên trên thanh tịnh, giải thích điều thứ tư muốn dựng cờ Đại pháp. Ba thừa đã được thọ ký sau đó thực hành hạnh Bồ-tát. Hạnh Bồ-tát xa lìa hai bên, là hạnh Trung đạo, nên gọi là trên trên thanh tịnh. Ở trong nhà có hai cửa cao, nên gọi là nghĩa trên trên thanh tịnh. Người được nghĩa thanh tịnh giúp cho tiến thủ được các thứ trí được hiện thấy. Giải thích điều thứ năm: Muốn đốt đèn Đại pháp, chữ đèn có hai nghĩa: một là xua tan tăm tối, hai là soi rõ vật làm cho người Ba thừa thực hành hạnh, đả phá hết được không còn tăm tối, thì sẽ được các thứ trí. Nên thấy được pháp của tính Phật. Bốn câu trước giúp cho người Ba thừa vì thế mà được thành hạnh. Nay chỉ một câu này có thể

giúp cho người Ba thừa được quả đức được; được các trí hiện ra. Giải thích câu thứ sáu muốn thổi loa Đại pháp (1) (ở trang 793 thì dùng loa, ở đây dùng lái, loa là ốc, chỉ cái loa, lái chỉ cái gáo, vỏ sò). Thổi vào vỏ sò thì phát ra âm thanh, người Ba thừa được quả Phật càng nói được các giáo cho chúng sinh. Nên nói đặt ra tên gọi, chương cú cho các pháp là nghĩa đặc ra tên gọi chương cú. Giải thích câu thứ tám: Muốn nói Đại pháp. Ở câu thứ bảy thành Phật cuối cùng là giảng nói giáo nói pháp cho chúng sinh. Nay câu thứ tám nói giáo giúp cho ngộ được lý, nhập vào lý cũng được thành Phật.

Hỏi: Vì sao nói nhập chứng trí xoay bánh xe pháp không thể nói?

Đáp: Làm cho chúng sinh được chứng trí chân thật, thời là trong ngoài đều tối, duyên nhìn đều vắng lặng, gọi là không thể nói, là trí thể này gọi là pháp luân, từ kia tối đây gọi là chuyển. Nay giải thích chung cả tám câu. Phật nói Pháp Hoa gồm có hai ý: một là làm cho chúng sinh tự được thành Phật. Hai là chúng sinh hóa tha cũng giúp cho thành Phật. Sáu câu trước là tự hành, hai câu sau gọi là hóa tha. Cứ hai âm một trong này tự hành trong năm câu biện một câu nhân rồi nói quả. Câu đầu trong hóa tha giảng nói giáo pháp cho chúng sanh. Câu kế là giúp chúng sanh khiến vật chứng nhập.

Hỏi: Vì sao nói pháp giúp cho tự hành hóa tha?

Đáp: Người Hai thừa chỉ có khả năng tự tu cho mình, nay đã thành Phật, cuối cùng giáo hóa chúng sinh cũng thành Phật. Lấy năm câu làm hai, câu đầu dứt nghi đã giúp cho hoặc diệt, kế nữa là câu bốn giúp cho được giải sinh, chia làm hai. Câu đầu từ Thập tín đến Thập giải thành tự. Câu sau giải hạnh thuần thực đi vào cảnh giới sâu kín, nên được thọ ký từ Thập Hạnh đến Thập Hồi hướng, nghĩa của trên trên thanh tịnh từ Sơ địa đến tới Thập địa. Hiện thấy ý nghĩa của tên chữ chương cú trong thế gian sâu xa, đó là nhân thành tựu, giải thích mười chương thứ hai, ở trước nhắc lại tên chương.

Hiện thấy thế gian tên gọi chương cú ý sâu xa nhân thành tựu. Như kinh v.v... trở xuống là giải thích kinh xứ.

Kinh chép:ta và các Đức Phật quá khứ đã từng thấy điềm lành này dẫn tới, nên hiện ra các điềm lành.

Hỏi: tên gọi chương cú ý nghĩa sâu xa, là giải thích ở văn kinh nào?

Đáp: Giải thích muốn cho chúng sinh giảm được sự nghe biết tất cả các văn của kinh pháp khó tin trong thế gian. Điều đó giúp cho Ba

thừa thành Phật là những việc khó tin. Năm ngàn người đứng dậy bỏ đi là việc khó hiểu.

Hỏi: Vì sao nói ý nghĩa của tên gọi, chương cú sâu xa xa xa?

Đáp: Điều dạy đó đã nói lên nghĩa lý chú thích. Tuyệt vời, một lời giải thích lý cũng bật. Nên ở dưới nói rằng: pháp này chẳng nói lên bày ra được. Tướng nói năng vắng lặng, hiện tại thấy ít có nhân thành tựu, giải thích chương kinh thứ ba, nhắc lại chương trước.

Hiện thấy ít có nhân thành tựu, dùng vô lượng thời v.v... trở xuống là giải thích chương. Trước là giải thích, kế nêu kinh nói lên chỗ giải thích.

Dùng thời gian vô lượng thì không thể được, nên không thể suy nghĩ, không thể gọi là không thể lượng, nói lên kiếp A-tăng-kỳ kia trong quá khứ, không thể nói lên trở lại được. Có năm thứ kiếp: một là đêm, hai là ngày ba là trắng, bốn là thời, năm là năm, hiển bày ra những thứ đó là kiếp vô lượng vô biên. Sự giải thích trong đó có hai, một là kiếp nói A-tăng-kỳ không thể nói, hai là nói thời không thể nói. Kiếp A-tăng-kỳ không thể nói, dùng hữu vô lượng A-tăng-kỳ lại nói lên ra năm thứ kiếp, đây là hai minh thời không thể nói.

Hỏi: Giải thích như thế nào để gọi ngày đêm, v.v... là kiếp?

Đáp: Tiếng phạm gọi là kiếp-ba(kalpa), Hán dịch là phân biệt thời tiết, nên kiếp là tên gọi thông thường về thời gian. Thế nhưng trong kinh lấy sự mở đầu và kết thúc của trời đất đặt ra tên gọi chung là Kiếp. Trời trăng đêm ngày chỉ là tên khác.

Hỏi: Trong chương danh vì sao nói hiện thấy ít có nhân thành tựu?

Đáp: vì thời gian lâu xa trong quá khứ mới có việc nói Pháp Hoa, nên nói là ít có, như kinh dùng v.v...trở xuống là thứ hai giải thích nơi chốn.

Kinh chép:như quá khứ vô lượng vô biên không thể suy nghĩ bàn luận A-tăng-kỳ kiếp, lúc đó có Đức Phật hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề thành tựu được trí Nhất Thiết. Ở đây đã dùng kinh quá khứ vô lượng vô biên kiếp để giải thích nơi chốn. Từ lúc đó đã có đèn trời trăng chiếu soi. Ở đây không giải thích nữa, hiện tại đã thấy tốt đẹp nhân thành tựu. Giải thích điều thứ tư, nhắc lại tên gọi ở trước.

Hiện thấy nhân tốt đẹp thành tựu là. Nói về nhân tốt đẹp, hai muôn ức Phật nói pháp đều có bảy thiện là tốt đẹp. Dùng Chư Phật, Bồ-tát tự dụng mà nói lên ra, Phật thọ dụng bảy thiện giáo hóa chúng

sanh, Bồ-tát cũng vậy, nên nói là thọ dụng, như kinh v.v.... trở xuống là nói về chỗ kinh.

Như kinh chép: lại Đức có Phật cũng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, cho đến có thể nói pháp, sơ trung hậu đều lành. Điều này thủ hậu có thể nói pháp, sơ trung đều lành, không chấp văn trước, lấy hai muôn Phật nói pháp môn đều là bảy đều thiện nên nói có thể nói pháp sơ trung đều lành, vì thế hợp lại một chỗ để giải thích. Hiện thấy thụ dụng đại nhân thành tựu, giải thích điều thứ năm, nhắc lại tên Chương ở trước.

Hiện thấy thụ dụng đại nhân thành tựu. Thọ dụng đại nhân giải thích khi Vương Tử chưa xuất gia thọ vui hấp dẫn, cho đến giải thích sáu mươi kiếp nghe kinh Pháp Hoa thọ pháp lạc không sinh mệt mỏi. Nên gọi là hiện thấy thụ dụng đại nhân thành tựu. Điều này giải thích thời thứ hai của Vương Tử.

Vào thời ấy, Vương Tử thọ vui hấp dẫn, đều xả bỏ xuất gia, lại có đại chúng vào lúc đó, không sinh tâm mệt mỏi. Rất dễ hiểu như kinh v.v... trở xuống là giải thích nơi chốn.

Chép :Phật cuối cùng như kinh khi chưa xuất gia cho đến được phật thọ ký rồi bèn trong đêm đó nhập Niết-bàn vô dư. Hiện thấy tất cả Chư Phật xoay bánh xe pháp, nhân thành tựu thứ sáu, nhắc lại tên chương Năm chương trên đây nói về việc Phật hóa hành sự. Rồi bốn chương thuộc về khả năng giáo hóa làm lợi ích cho chúng sanh, kể là nói giáo hóa làm lợi ích cho chúng sanh. Nay nói Bồ-tát sau khi Phật diệt độ hoằng kinh, là xoay bánh xe pháp, hiện thấy nhiếp thụ Chư Phật xoay bánh xe pháp nhân thành tựu là. Nói tất cả Phật, hiện thấy các Đức Phật ở trước. Bồ-tát sau khi Phật diệt độ đã giảng nói không dứt, là đã giúp cho Phật pháp truyền bá không dứt, nên nói là tất cả.

Bánh xe pháp không dừng: Như kinh chép: sau khi Phật diệt độ, Bồ-tát Diệu Quang thọ trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa đủ tám mươi tiểu kiếp giảng nói cho người nghe, giải thích và trình bày kinh rất dễ hiểu hiện thấy thiện kiên thật Như Lai pháp luân nhân thành tựu, giải thích thời bảy, trước nhắc lại tên chương.

Hiện thấy thiện kiên thật Như lai pháp luân, nhân thành tựu: là nói thiện kiên thật Như lai pháp luân. Diệu Quang từ tám mươi kiếp về sau, cho đến khiến tám người con kiên cố Vô thượng Bồ-đề, vô lượng thời thành tựu. Pháp luân là: bất hoại gọi là thiện kiên thật Như lai pháp luân. Nói về vô lượng thời sau khi Phật diệt độ, Như kinh chép: Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh có tám người con đều tôn thờ ngài Diệu

Quang làm thầy cho đến đều giúp cho thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề kiên cố. Giải thích và trình bày kinh rất dễ hiểu thiên thấy tiến nhập vào nhân thành tựu. Giải thích này có tám điều, bảy điều trên là nói Diệu Quang năng việc hóa của, nay nói tám người con nghe pháp được ích là tiến nhập vào nhân thành tựu hiện. Thấy tiến nhập nhân thành tựu. Các Vương Tử ấy được Đại bồ đề như kinh chép: các vương tử này cho đến đều thành Phật đạo là. Giải thích và trình bày kinh hiện thấy nhớ nghĩ nhân thành tựu là giải thích điều thứ chín nói về sự nhớ nghĩ của Diệu Quang.

Hiện thấy nhớ nghĩ nhân thành tựu: quá khứ hóa Vương Tử đều được thành Phật, nên gọi là nhớ nghĩ nhân thành tựu.

Vì người nói pháp lợi ích người, Như kinh chép: vị thành Phật sau cùng hiệu là Nhiên Đăng, cho đến được tôn trọng, khen ngợi. Như kinh chép: : là không giải thích văn kinh, nhưng giải thích ý kinh, là nói nhớ nghĩ quá khứ giáo hóa tám người con thành Phật. Sau đó nhớ nghĩ Nhiên Đăng giáo hóa Đức Thích-ca thành Phật, cho đến Di-lặc thành Phật. Hiện thấy tự thân sở kính sự nhân thành tựu, là giải thích điều thứ mười nói về sự nhớ nghĩ của Văn-thù.

Hiện thấy tự thân sở kính sự nhân thành tựu, là quá khứ vì thành tựu có thể ngộ giải Pháp Hoa, sau đó lại giảng nói cho người nghe, là tự thân được vui chấp dẫn.

Vì tự thân Văn-thù được vui hấp dẫn:, Như kinh chép:: Di-lặc nên biết cho đến được Phật che chở, nên ông hiệu là Cầu Danh, là nói biết được sự tích trong quá khứ, lại biết được pháp cụ túc trong hiện tại. Như kinh chép: v.v...trở xuống là Bồ-tát Diệu Quang chẳng phải ai khác mà chính là thân ta, giải thích thẳng câu này.

Ông hiệu là Cầu Danh: là giải thích riêng biết các việc của Di-lặc. Hai câu: câu đầu là giải thích Di-lặc ông hiệu là Cầu Danh, sau đó lại nói lên được pháp đó, là nói tên cuối cùng của Di-lặc, Di-lặc cùng được pháp này đầy đủ thành Phật.

Nhật Đông Thiên Thai Hậu Học Sa môn. Thật Quan Phân Hội.

Pháp Hoa Luận Sở quyển thứ nhất. (Hết).

